

Tôi có được cứu không?

Câu hỏi Quan trọng

R. C. SPROUL

TÔI CÓ ĐƯỢC CỨU KHÔNG?



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

CÂU HỎI QUAN TRỌNG

TÔI CÓ ĐƯỢC CỨU KHÔNG?

R. C. SPROUL

CHUYỂN NGỮ: MỤC VỤ TIÊN PHONG



Tôi có được cứu không?

Bản gốc tiếng Anh được xuất bản với tựa đề là: Can I be saved?

© 2026 bởi R.C. Sproul

Được xuất bản bởi Mục vụ Ligonier

421 Ligonier Court, Sanford, FL 32771, U.S.A

Ligonier.org

Được phép chuyển ngữ. Tất cả bản quyền đã được bảo lưu.

Ấn bản này là hợp đồng xuất bản với Mục vụ Ligonier.

Không được sao chép và xuất bản nội dung của quyển sách này dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự cho phép của Mục vụ Ligonier.

Mục vụ Tiên Phong đã được sự cho phép của Mục vụ Ligonier để chuyển ngữ quyển sách *Tôi có được cứu không?* vào năm 2026.

Chuyển ngữ: Mục vụ Tiên Phong

Thiết kế bìa và trình bày: Mục vụ Tiên Phong

Website: www.tienphong.org

Email: info@tienphong.org

Các câu Kinh Thánh trong quyển sách này được trích từ Bản dịch Truyền thống 2025 và Bản dịch Truyền thống Hiệu đính 2010 do Thánh Kinh Hội cho phép sử dụng.

MỤC LỤC

1. Nghi ngờ về sự cứu rỗi chắc chắn	7
2. Bốn hạng người	21
3. Sự đảm bảo sai lầm	31
4. Nhận được sự cứu rỗi chắc chắn	43
5. Nguồn gốc của sự cứu rỗi chắc chắn	57
Về tác giả	69
Thư viện Ligonier	70
Mục vụ Tiên Phong	71

1

NGHI NGỜ VỀ SỰ CỨU RỒI CHẮC CHẮN

Có một phân đoạn trong Tân Ước mà tôi tin là một trong những phân đoạn đáng sợ nhất trong Kinh Thánh. Chính Chúa Giêsu đã phán điều đó vào cuối bài giảng trên núi.

Chúng ta có khuynh hướng nghĩ về bài giảng trên núi là một bài giảng tích cực của Chúa. Suy cho cùng, ở trong bài giảng trên núi, Chúa đã phán về những phước hạnh: “Phước cho những kẻ có lòng khó khăn... Phước cho những kẻ than khóc... Phước cho những kẻ nhu mì...” và nhiều điều khác nữa (Ma-thi-ơ 5:3-12). Vì qua bài giảng trên núi, Chúa Giêsu đã có tiếng là người rao giảng sự tích cực thay vì tiêu cực.

Nhưng chúng ta thường bỏ qua phần cao trào của bài giảng ấy, khi Chúa Giêsu phán rằng:

“Chẳng phải hễ những kẻ nói cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, thì đều được vào nước thiên quốc đâu; nhưng chỉ kẻ làm theo ý muốn của Cha ta ở trên trời mà thôi. Ngày đó, sẽ

có nhiều người thưa cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng tôi chẳng từng nhân danh Chúa mà nói tiên tri sao? nhân danh Chúa mà trừ quỷ sao? và lại nhân danh Chúa mà làm nhiều phép lạ sao? Khi ấy, ta sẽ phán rõ ràng cùng họ rằng: Hỡi kẻ làm gian ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ, hãy lui ra khỏi ta!” (Ma-thi-ơ 7:21-23).

Chúa Jêsus cho chúng ta thấy trước về ngày phán xét sau cùng. Chúa phán rằng mọi người sẽ đến với Ngài và gọi Ngài là “Chúa”. Họ sẽ nói với Chúa Jêsus rằng: “Lạy Chúa, chúng tôi đã làm nhiều việc kỳ diệu ở trong danh của Ngài. Chúng tôi đã phục vụ Ngài; chúng tôi đã rao giảng danh Ngài; chúng tôi đã trừ quỷ; chúng tôi đã làm hết những điều đó”. Chúa Jêsus phán rằng: “Ta sẽ phán với những kẻ đó rằng: ‘Hãy lui ra khỏi ta’”. Chúa không chỉ phán rằng: “Ta không biết các ngươi”, mà Chúa còn phán rằng: “Hỡi kẻ làm gian ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ”. Điều đặc biệt đau lòng trong lời cảnh báo đáng sợ này là Ngài bắt đầu bằng lời phán: “Chẳng phải hễ những kẻ nói cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, thì đều được vào nước thiên quốc đâu”. Rồi Chúa phán lần nữa rằng: “Ngày đó, sẽ có nhiều người thưa cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa”.

“Lạy Chúa, lạy Chúa”

Chỉ có khoảng mười lăm trường hợp trong toàn bộ Kinh Thánh mà tên gọi được lặp lại như vậy. Tôi xin đề cập một vài trường hợp:

- Trên núi Mô-ri-a, khi Áp-ra-ham đã sẵn sàng đâm dao vào ngực Y-sác, con trai mình, thì trong giây phút cuối cùng, Đức

Chúa Trời đã can thiệp và phán với ông qua thiên sứ của Ngài rằng: “Hỡi Áp-ra-ham, Áp-ra-ham!... Đừng tra tay vào mình con trẻ” (Sáng thế ký 22:11-12).

- Khi Gia-cốp sợ phải xuống Ai Cập, thì Đức Chúa Trời đã đến trấn an ông và phán rằng: “Hỡi Gia-cốp, Gia-cốp” (Sáng thế ký 46:2).
- Đức Chúa Trời đã phán cùng Môi-se từ bụi gai cháy trên núi Hô-rếp rằng: “Hỡi Môi-se, hỡi Môi-se!” (Xuất Ê-díp-tô ký 3:4).
- Giữa đêm khuya, Đức Chúa Trời đã gọi cậu bé Sa-mu-ên và phán rằng: “Hỡi Sa-mu-ên! Hỡi Sa-mu-ên!” (1 Sa-mu-ên 3:10).
- Khi quở trách Ma-thê ở Bê-tha-ni, Chúa Jê-sus đã phán với bà rằng: “Hỡi Ma-thê, Ma-thê” (Lu-ca 10:41).
- Chúa Jê-sus than khóc về thành Giê-ru-sa-lem và thốt lên rằng: “Hỡi Giê-ru-sa-lem, Giê-ru-sa-lem, người giết các tiên tri, và quăng đá các đấng chịu sai đến cùng người, ghe phen ta muốn nhóm hộp con cái người, như gà mái túc và ấp con mình dưới cánh, mà các người chẳng muốn!” (Lu-ca 13:34).
- Phi-e-rơ cho rằng ông sẽ mạnh mẽ trong mọi hoàn cảnh, nhưng Chúa Jê-sus lại phán: “Hỡi Si-môn, Si-môn, nầy, quỷ Sa-tan đã đòi sàng sảy người như lúa mì” (Lu-ca 22:31).
- Trên đường đến Đa-mách, Chúa Jê-sus đã đối chất cùng Sau-lơ và phán rằng: “Hỡi Sau-lơ, Sau-lơ, sao người bắt bớ ta?” (Công vụ 9:4).
- Có lẽ thí dụ sâu xa nhất về sự lặp lại như vậy trong Kinh Thánh là tiếng kêu của Chúa Jê-sus trên thập tự giá: “Đức

Chúa Trời tôi ơi! Đức Chúa Trời tôi ơi! Sao Ngài lìa bỏ tôi?”
(Ma-thi-ơ 27:46).

Cấu trúc ngữ pháp hiểm gập này có ý nghĩa quan trọng trong tiếng Do Thái. Khi ai đó lặp lại danh xưng của một người, thì điều đó gợi ý và truyền thông về mối liên hệ mật thiết giữa hai người đang trò chuyện.

Vậy, Chúa Jêsus phán trong bài giảng trên núi rằng vào ngày cuối cùng, mọi người không chỉ đến với Ngài và nói: “Lạy Chúa, chúng con thuộc về Ngài; chúng con là dân Ngài”, mà họ còn sẽ xưng hô với Ngài một cách thân mật. Họ sẽ nói: “Lạy Chúa, lạy Chúa”, như thể biết Ngài một cách sâu sắc và cá nhân. Tuy nhiên, bất chấp giả định về mối quan hệ thân mật này, Chúa Jêsus sẽ phán cùng họ rằng: “Hãy lui ra khỏi ta. Hỡi kẻ làm gian ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ”.

Chúa Jêsus đang nói rằng sẽ có nhiều người tự xưng là Cơ Đốc nhân, dùng danh của Đấng Christ và gọi Ngài bằng danh xưng cao quý là “Chúa”, nhưng thực tế lại không hề ở trong vương quốc của Đức Chúa Trời. Họ không thuộc về Ngài và sẽ không thể đứng nổi trong ngày phán xét cuối cùng. Điều đáng sợ ở đây là những người này không nằm ngoài lề của Hội thánh. Thay vào đó, họ ẩn sâu trong đời sống của Hội thánh, tích cực dự phần vào mục vụ và có lẽ được coi là những Cơ Đốc nhân. Nhưng Chúa Jêsus không biết họ và sẽ đuổi họ ra khỏi sự hiện diện của Ngài.

Tôi đề cập đến điều này ở phần đầu của tập sách vì khi chúng ta tuyên xưng đức tin với tư cách là những Cơ Đốc nhân, chúng

ta phải tự hỏi bản thân rằng: Làm thế nào chúng ta *biết* mình sẽ không nằm trong nhóm người này, những người sẽ đến trong ngày phán xét cuối cùng, mong đợi được vào vương quốc và gọi Chúa Giêsu một cách thân mật, nhưng lại bị đuổi ra ngoài? Làm sao chúng ta dám chắc rằng mình đang ở dưới ân điển? Làm cách nào chúng ta biết rằng mình không tự lừa dối bản thân? Làm sao chúng ta có thể chắc chắn mình được cứu?

Một giáo lý gây tranh cãi

Qua nhiều thế kỷ, câu hỏi về sự cứu rồi chắc chắn đã gây ra nhiều tranh cãi trong Hội thánh. Nhiều Hội thánh thậm chí còn đặt câu hỏi liệu sự cứu rồi chắc chắn có thể đạt được hay không.

Thí dụ, tại Giáo hội nghị Trent vào thế kỷ 16, Công giáo La Mã đã phủ nhận khả năng một người có thể chắc chắn được cứu rồi, ngoại trừ một số trường hợp hiếm hoi. Công giáo La Mã tiếp tục dạy rằng những người duy nhất có thể đảm bảo được sự cứu rồi của mình trong cõi đời này là những vị thánh xuất chúng mà Chúa đã ban sự mặc khải đặc biệt về địa vị của họ trước mặt Ngài. Còn các thành viên bình thường trong Hội thánh không thể mong đợi có được sự đảm bảo về mặt cứu rồi.

Công giáo La Mã tuyên bố rằng hầu hết các “sự cứu rồi chắc chắn”, xét cho cùng, đều dựa trên phỏng đoán, nhận định và ý tưởng xuất phát từ lòng người, nơi mà Kinh Thánh cho là được đắm rề trong sự lừa dối. Kinh Thánh cho chúng ta biết rằng lòng người ta là dối trá hơn mọi vật (Giê-rê-mi 17:9), vì vậy, Công giáo La

Mã cho rằng chúng ta dễ lừa dối bản thân và đặt niềm tin về tình trạng thuộc linh của mình trên ý tưởng cá nhân. Do đó, sự cứu rỗi chắc chắn là điều không thể xảy ra nếu không có một sự mặc khải đặc biệt nào đó.

Không chỉ có Công giáo La Mã phủ nhận giáo lý về sự cứu rỗi chắc chắn. Một số người Tin Lành cho rằng người ta có thể có sự cứu rỗi chắc chắn hôm nay, nhưng không có sự bảo đảm cho ngày mai, vì họ chấp nhận khả năng rằng những người có đức tin vào một thời điểm nào đó có thể rơi vào tình trạng vô tín và đánh mất sự cứu rỗi. Xét về mặt lịch sử, đó là lý do khiến giáo lý về sự cứu rỗi chắc chắn được gắn chặt với giáo lý về sự bền đỗ của các thánh đồ. Vì vậy, trong khi Công giáo La Mã nói chúng ta không thể có bất cứ một sự cứu rỗi chắc chắn nào, thì những người Tin Lành này cho rằng chúng ta có thể có sự cứu rỗi chắc chắn trong một khoảng thời gian giới hạn, nhưng không thể biết tình trạng cuối cùng của mình sẽ ra sao.

Sau này, xuất hiện thần học Cải chánh, theo quan điểm thần học của cá nhân tôi, dạy rằng chúng ta không chỉ biết mình đang ở trong ân điển, mà còn tin chắc rằng mình vẫn ở trong ân điển vào thời điểm chúng ta qua đời.

Chuyện ngụ ngôn về người gieo giống

Chúa Jêsus giải quyết câu hỏi ai là người được cứu và ai là người không được cứu thông qua câu chuyện ngụ ngôn về người gieo giống:

“Cũng ngày ấy, Đức Chúa Jêsus ra khỏi nhà, ngồi bên mé biển. Đoàn dân nhóm họp xung quanh Ngài đông lắm, đến nỗi Ngài phải xuống thuyền mà ngồi, còn cả đoàn dân đứng trên bờ. Ngài dùng thí dụ mà giảng nhiều điều cùng họ. Ngài phán như vậy: Có người gieo giống đi ra đồng gieo. Khi đương gieo, một phần giống rơi dọc đường, chim bay xuống và ăn. Một phần khác rơi nhằm chỗ đất đá sỏi, chỉ có ít đất thịt, bị lấp không sâu, liền mọc lên; song khi mặt trời mọc lên, thì bị đốt, và vì không có rễ, nên phải héo. Một phần khác rơi nhằm bụi gai, gai mọc rậm lên, phải nghẹt ngòi. Một phần khác nữa rơi nhằm chỗ đất tốt, thì sanh trái; hoặc một hột ra được một trăm, hoặc một hột sáu chục, hoặc một hột ba chục. Ai có tai, hãy nghe!” (Ma-thi-ơ 13:1-9).

Hãy lưu ý bối cảnh của câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng này. Ngay trước đó, có người thưa với Chúa Jêsus rằng: “Đây này, mẹ và anh em thầy ở ngoài, muốn nói cùng thầy” (Ma-thi-ơ 12:47). Nhưng Chúa Jêsus đáp rằng: “Ai là mẹ ta, ai là anh em ta?” (c.48). Sau đó, Chúa giơ tay chỉ các môn đồ mà phán rằng: Đây là mẹ ta cùng anh em ta! Vì hễ ai làm theo ý muốn Cha ta ở trên trời, thì người đó là anh em, chị em ta, cùng mẹ ta vậy (c.49-50). Chúa Jêsus phán rằng anh em thật của Ngài là người làm theo ý muốn của Cha, chứ không phải là người chỉ đưa ra quyết định theo Ngài mà thôi.

Chúng ta phải luôn nhớ rằng không ai ép Giu-đa trở thành môn đồ. Giu-đa đã chọn đi theo Chúa Jêsus; ông tự quyết định bước vào trường lớp của Chúa Jêsus và ở lại với Chúa chúng ta trong suốt ba năm Ngài thi hành chức vụ trên đất. Tuy nhiên, chúng ta biết rằng ông là quỷ (Giăng 6:70). Ấy không phải là Giu-đa đã thực sự

cải đạo rồi lại sau đó đánh mất ân điển và hư mất đầu; đúng hơn là dù ông ở rất gần với Chúa Jêsu, nhưng lại chưa bao giờ được cải đạo. Điều này khiến chúng ta phải dừng lại để suy gẫm về tình trạng thuộc linh của bản thân.

Trong phân đoạn sau đó của sách Ma-thi-ơ, Chúa Jêsu đã giải thích dụ ngôn của Ngài về người gieo giống. Đây là một trong những lần hiếm hoi trong các sách Phúc Âm mà chúng ta nhận được sự giải thích về một dụ ngôn. Sự giải thích ấy vô cùng hữu ích vì dụ ngôn này khác với hướng dẫn dụ ngôn thông thường. Hầu hết các dụ ngôn đều chỉ có một điểm chính. Do đó, nhìn chung, việc biến những câu chuyện dụ ngôn thành ẩn dụ là rất nguy hiểm, vì chúng thường có ý nghĩa tượng trưng được lồng ghép xuyên suốt câu chuyện. Nhưng dụ ngôn về người gieo giống gần như tương tự một ẩn dụ khi Chúa Jêsu đưa ra một vài điểm áp dụng.

Chúa Jêsu bắt đầu giải thích và phán rằng: “Ấy vậy, các người hãy nghe nghĩa ví dụ về kẻ gieo giống là gì. Khi người nào nghe đạo nước thiên quốc, mà không hiểu, thì quỷ dữ đến cướp đi điều đã gieo trong lòng mình; ấy là kẻ chịu lấy hột giống rơi ra dọc đường” (Ma-thi-ơ 13:18-19). Nhóm người đầu tiên mà Ngài đang nói đến được tượng trưng bởi hạt giống rơi dọc đường. Vào thời cổ đại, khi trồng trọt, người nông dân thường gieo giống trước, sau đó mới cày đất. Nhưng bất kỳ hạt giống nào rơi trên đường đi hoặc lối đi đều sẽ không được cày xới. Nằm trên con đường khô cứng, hạt giống chẳng có cách nào để bám rễ và sẽ bị chim ăn mất. Chúa Jêsu ví con chim với Sa-tan. Có nhiều người cũng giống như hạt

giống này. Họ nghe lời rao giảng Phúc Âm, nhưng không được tác động bởi lời ấy. Lời ấy không bén rễ trong đời sống họ Chúa Jêsus phán tiếp rằng: “Người nào chịu lấy hột giống nơi đất đá sỏi, tức là kẻ nghe đạo, liền vui mừng chịu lấy; song trong lòng không có rễ, chỉ tạm thời mà thôi, đến khi vì đạo mà gặp sự cực khổ, sự bắt bớ, thì liền vấp phạm” (câu 20-21).

Nếu bạn đến dự một buổi truyền giảng hoặc xem truyền giảng trên truyền hình, bạn sẽ thấy nhiều người đi lên đứng trước bục giảng để đáp lại lời kêu gọi của Phúc Âm. Trên thực tế, tôi đã từng thấy một báo cáo về chiến dịch truyền giảng quốc tế rất lớn, trong đó hàng triệu người được cho là đã đưa ra quyết định tin nhận Đấng Christ. Khi đọc điều đó, tôi tự hỏi có bao nhiêu quyết định theo Chúa là sự cải đạo thật và bao nhiêu là giả tạo đây. Ai cũng thích những điều họ nghe thấy ở các sự kiện như thế và có thể bị lèo lái về mặt cảm xúc để quyết định tin nhận Đấng Christ. Tuy nhiên, có một sự thật đã chứng minh rằng nhiều người sau khi dự các chương trình truyền giảng đã nhanh chóng từ bỏ những cam kết của mình. Những đáp ứng nhất thời của họ thường vô căn cứ.

Tôi không muốn có phản ứng quá gay gắt trước những báo cáo về sự thành công của các chương trình truyền giảng. Tôi nhận thấy tất cả các mục vụ truyền giảng đều phải đối mặt với nan đề trong việc tự đánh giá kết quả. Các Hội thánh thường thực hiện việc này bằng cách báo cáo số lượng tín hữu trong các hội chúng và cho thấy mức độ tăng trưởng của họ sau một khoảng thời gian nào đó. Các mục vụ truyền giảng thường thực hiện điều này bằng cách báo

số lượng người tiến lên phía trước, giơ tay, ký tên hoặc cầu nguyện tiếp nhận Chúa. Các mục vụ này muốn có số liệu thống kê để ước tính số người đã đáp lại sự kêu gọi.

Nhưng làm sao để đánh giá được tình trạng thuộc linh này đây? Hễ ai dự phần vào chương trình truyền giảng đều biết rằng chúng ta không thể nhìn thấy tấm lòng của người khác, nên tốt nhất là đếm số lượng người đã quyết định tiếp nhận Chúa. Nhưng Chúa Jêsus đã cảnh báo chúng ta qua dụ ngôn về người gieo giống khi Ngài phán rằng có *những người* vui mừng nghe Phúc Âm – nhưng họ không bền đỗ trong đức tin. Loại hạt giống thứ hai này rơi trên đất đá sỏi – đất quá nông đến nỗi hạt giống không thể bén rễ, vừa lúc mặt trời mọc lên thì cây con bắt đầu héo úa. Kết quả là chúng chết đi và không bao giờ kết quả. Chúa Jêsus cho chúng ta biết rằng những người đó sa ngã khi đối diện với hoạn nạn và bất bớ chắc chắn sẽ xảy ra khi theo Chúa.

Chúa Jêsus giải thích về loại hạt giống thứ ba rằng: “Kẻ nào chịu lấy hạt giống nơi bụi gai, tức là kẻ nghe đạo; mà sự lo lắng về đời này, và sự mê đắm về của cải, làm cho ghệt ngại đạo và thành ra không kết quả” (Ma-thi-ơ 13:22). Hạt giống này tượng trưng cho hạng người lắng nghe và tiếp nhận Lời Chúa, nhưng lại quá áp lực trước những lo toan của thế gian này. Giống như bụi gai, sự lo lắng về đời này “làm cho ghệt ngại đạo”.

Cuối cùng, Chúa Jêsus phán: “Song, kẻ nào chịu lấy hạt giống nơi đất tốt, tức là kẻ nghe đạo và hiểu; người ấy được kết quả” (Ma-thi-ơ 13:23a).

Thật rõ ràng, có nhiều người vui mừng đáp lại sứ điệp của Phúc Âm nhưng cuối cùng lại không bền đỗ trong đức tin. Không phải ai nghe Lời Chúa cũng được cứu rỗi, điều tương tự cũng xảy ra với những người đáp ứng lại với Lời Chúa lúc ban đầu. Những ai thực sự được cứu sẽ là người làm theo Lời Chúa. Khi hạt giống bén rễ và tăng trưởng, thì sẽ có kết quả.

Nhu cầu cần phải kết quả

Khi nghĩ đến sự kết quả, chúng ta phải nhớ rằng mình không được cứu bởi việc làm. Thay vào đó, chúng ta được xưng công bình chỉ bởi đức tin. Tuy nhiên, chúng ta cũng nhớ rằng các nhà Cải chánh lỗi lạc của thế kỷ 16, như Martin Luther, đã nói rằng chúng ta được xưng công bình chỉ bởi đức tin chứ không phải bởi đức tin không có việc làm.

Quan điểm này trái với giáo lý của Công giáo La Mã, là giáo lý cho rằng một người phải có đức tin thì mới được xưng công bình, nhưng người đó cũng phải có việc làm nữa. Vậy, quan điểm của Công giáo La Mã là đức tin cộng với việc làm mới là sự xưng công bình. Nhưng theo quan điểm của Tin Lành, đức tin bằng sự xưng công bình cộng với việc làm.

QUAN ĐIỂM CỦA CÔNG GIÁO LA MÃ

Đức tin + Việc làm = Sự xưng công bình

QUAN ĐIỂM CỦA TIN LÀNH

Đức tin = Sự xưng công bình + Việc làm

Theo quan điểm của Tin Lành, việc làm là kết quả, là biểu hiện cho thấy chúng ta đang ở trong ân điển; như vậy, việc làm không bổ sung gì cả vào sự xưng công bình. Việc làm công bình duy nhất có tác dụng xưng công bình cho tội nhân chính là công tác của Đấng Christ. Vậy, khi chúng ta nói rằng mình được xưng công bình chỉ bởi đức tin, thì chúng ta đang nói rằng mình được xưng công bình chỉ bởi Đấng Christ, bởi công tác của Ngài; còn việc làm của chúng ta không được kể vào sự xưng công bình của chúng ta.

Một số người sẽ nói rằng: “Vậy là tôi không cần phải kết quả. Tôi không cần phải có bất kỳ biểu hiện công bình nào cả vì đã được cứu bởi đức tin rồi”. Nhưng hãy nhớ rằng đức tin xưng công bình, như Gia-cơ cho chúng ta biết trong thư tín của ông (Gia-cơ 2:26) và như Luther lập luận, không phải là một đức tin chết; nhưng là đức tin sống (*fides viva*), đức tin thiết yếu. Đức tin thật kết nối chúng ta với Đấng Christ luôn thể hiện bằng việc làm, nếu không có việc làm ở về phải của phương trình, thì cũng không có đức tin ở về trái của phương trình. Đáng buồn thay, nếu không có đức tin ở về trái của phương trình, thì cũng không có sự xưng công bình ở về phải của phương trình.

Vậy, đức tin liên kết chúng ta với Đấng Christ, nếu đức tin của chúng ta là chân thực, chúng ta sẽ không phải nghe Chúa gọi chúng ta là những kẻ làm gian ác trong ngày sau rốt và thừa với Ngài rằng: “Lạy Chúa, lạy Chúa”. Không, chúng ta sẽ có kết quả chứng minh đức tin của mình là thật.

Lượng kết quả mà Cơ Đốc nhân sản sinh có thể khác nhau. Chúa

Jê-sus phán rằng hột giống rơi vào đất tốt sẽ kết quả “một hột ra một trăm, hột khác sáu chục, hột khác ba chục” (13:23b). Có một số Cơ Đốc nhân không kết quả nhiều như những Cơ Đốc nhân khác, nhưng mỗi người tin Chúa chân chính đều phải kết quả. Nếu không thì người ấy chẳng phải là người tin Chúa thật. Đó là lý do Chúa Jê-sus phán: “Các ngươi nhờ những trái nó mà nhận biết được” (Ma-thi-ơ 7:16a) – chứ không phải nhờ lời tự xưng mình của họ.

Khi một người đắm chìm trong nền văn hóa Cơ Đốc, nơi mà việc đưa ra quyết định, đáp lại lời kêu gọi ăn năn và cầu nguyện tiếp nhận Chúa được nhấn mạnh, thì rất dễ để bỏ lỡ điểm quan trọng này—quyết định theo Chúa Jê-sus chưa bao giờ mang đến sự cải đạo. Bởi vì chẳng phải một quyết định có thể mang đến sự cải đạo; nhưng chỉ quyền năng của Đức Thánh Linh mới làm được điều đó. Chúng ta được vào thiên quốc không vì đã đưa ra quyết định, tiến lên phía trước, giơ tay lên hoặc ký tên của mình. Chúng ta được ở trong thiên quốc vì trong lòng có đức tin thật.

Xin đừng hiểu lầm – hoàn toàn không có gì bất hợp lý khi công khai tuyên xưng đức tin; đó là điều nên làm. Hễ ai được xưng công chính đều được kêu gọi để tuyên xưng đức tin; mọi Cơ Đốc nhân đều được kêu gọi để tuyên xưng Đấng Christ trước mặt người khác. Nan đề nảy sinh khi chúng ta lấy lời tuyên xưng đức tin làm phép thử cho sự cải đạo. Suy cho cùng, Chúa Jê-sus đã nhắc đến những người lấy môi miếng thờ kính Ngài, nhưng lòng họ lại xa cách Ngài (Ma-thi-ơ 15:8). Không có ai được xưng công bình bằng cách tự xưng mình là người tin Chúa cả.

Vậy, điều này có nghĩa là cách dễ nhất để giải quyết thắc mắc về sự cứu rỗi chắc chắn là tra xét kết quả từ đời sống của chúng ta, nhằm xác định xem mọi thứ có nhất quán với lời tuyên xưng đức tin hay không? Có một chỗ nhất định để tra xét bản thân ở trong đời sống Cơ Đốc, tôi sẽ nói thêm về điều đó trong chương 4. Tuy nhiên, không ai trong chúng ta có thể sống đúng với toàn bộ những gì chúng ta nói mình tin. Nếu chúng ta chỉ tập trung vào những việc làm bề ngoài, thì sự cứu rỗi chắc chắn sẽ trở nên rất khó nắm bắt.

Vậy, sự đảm bảo sai lầm có tồn tại, nhưng sự cứu rỗi chắc chắn thì khó đạt được. Vậy thì làm sao chúng ta có thể biết chắc rằng lời tuyên xưng đức tin của mình xuất phát từ việc nhận biết ân điển cứu rỗi? Câu hỏi này cực kỳ quan trọng vì liên quan đến nơi chúng ta sống với tư cách là Cơ Đốc nhân và có tác động to lớn đến cảm xúc, sự thoải mái và hành vi của chúng ta dưới tư cách là những người tin Chúa. Điều cấp thiết là chúng ta phải xác định xem mình có đang ở dưới ân điển hay không và phần còn lại của quyển sách này sẽ đề cập đến cách thực hiện điều đó.

2

BỐN HẠNG NGƯỜI

Tôi đã chia sẻ Phúc Âm với một người đàn ông ở Cincinnati, tôi bắt đầu bằng cách đặt câu hỏi đầu tiên trong số hai câu hỏi chẩn đoán của Chứng đạo Sâu rộng rằng: “Nếu bạn qua đời, bạn có biết chắc mình sẽ vào thiên quốc không?”. Người đàn ông này không hề nao núng. Anh ta nhìn thẳng vào mắt tôi và nói rằng: “Không, tôi chắc chắn là mình không được cứu. Tôi sẽ xuống địa ngục”. Tôi đã rất sửng sốt trước câu trả lời ấy vì tôi chưa bao giờ gặp một người nào dám chắc rằng mình sẽ xuống địa ngục như vậy. Người đàn ông này đã sống một cuộc đời vô tín, ông ta biết mình đang sống một cuộc đời vô tín và cũng biết hậu quả của đời sống ấy, nhưng ông ta chẳng quan tâm.

Khi nói đến sự cứu rỗi chắc chắn, có bốn hạng người trên thế giới. Ai nấy, không có trường hợp ngoại lệ, đều được xếp vào một trong những hạng người này. Trong đó có: 1) những người đã được cứu và biết rõ điều đó, 2) những người đã được cứu nhưng không biết điều đó, 3) những người (giống như người đàn ông mà tôi đã đề cập ở trên) chưa được cứu và biết rõ điều đó, 4) những người

chưa được cứu nhưng không biết điều đó. Chúng ta hãy suy xét kỹ những hạng người này:

Những người đã được cứu và biết rõ điều đó

Hạng người thứ nhất là những người đã được cứu và biết rõ điều đó. Những người này hoàn toàn tin chắc rằng họ đang ở trong ân điển. Đối với họ, đây là vấn đề đã được giải quyết.

Bạn đã từng tham gia vào những cuộc thảo luận khi hỏi ai đó một câu hỏi, người đó đưa ra lời khẳng định và bạn lại hỏi rằng: “Bạn chắc chứ?”. Người đó trả lời: “Có, tôi chắc”. Câu hỏi tiếp theo của bạn là: “Bạn có dám chắc không?”. Khi đề cập đến sự chắc chắn hoặc sự xác tín, chúng ta không chỉ nói trên phạm trù triết học. Thay vào đó, chúng ta đang mô tả trạng thái cảm xúc của mình liên quan đến nhiều câu hỏi hoặc lời khẳng định khác nhau.

Việc đảm bảo các tuyên bố về lẽ thật diễn ra trên phạm vi rộng. Thí dụ, ai đó có thể hỏi rằng: “Bạn có tin vào Đức Chúa Trời không?”. Câu hỏi này có rất nhiều câu trả lời khác nhau. Bạn có thể trả lời rằng: “Không, tôi không nghĩ vậy”, “Tôi không biết, nhưng hy vọng là vậy”, “Có thể”, “Có, tôi tin Đức Chúa Trời” hoặc “Tất nhiên là tôi tin Đức Chúa Trời”. Mỗi câu trả lời trên đây đều mô tả một mức độ tin cậy khác nhau bằng một lời khẳng định nào đó.

Vậy, khi đề cập đến sự cứu rỗi chắc chắn, chúng ta không nói đến sự chắc chắn về mặt toán học, chẳng hạn như niềm tin vào phép toán hai cộng hai bằng bốn. Nhưng chúng ta đang nói đến sự đảm bảo về tình trạng của cá nhân và mức độ đảm bảo có thay

đổi theo từng ngày hay không. Có khi người ta hỏi tôi rằng: “Ông có chắc mình đã được cứu không?” và tôi sẽ trả lời rằng: “Chắc chắn!”. Nhưng ngày hôm sau, nếu đang cảm thấy mặc cảm tội lỗi, thì tôi sẽ trả lời rằng: “Tôi nghĩ là vậy”. Đời sống Cơ Đốc có sự thăng trầm.

Tuy nhiên, sự cứu rỗi chắc chắn vẫn tồn tại sau những nghi ngờ, vì đó là điều không chỉ dựa vào cảm xúc. Hạng người này có căn cứ để nói rằng: “ta biết ta đã tin Đấng nào, chắc rằng Đấng ấy có quyền phép giữ sự ta đã phó thác cho đến ngày đó” (2 Ti-mô-thê 1:12).

Những người đã được cứu nhưng không biết điều đó

Hạng người thứ hai là những người đã được cứu nhưng không biết điều đó. Một người có thể ở trong ân điển nhưng chưa hoàn toàn chắc chắn rằng mình đã được cứu. Tôi đã đề cập đến một số người (như Công giáo La Mã) thách thức sự tin quyết của nhóm đầu tiên (những người đã được cứu và biết rõ điều đó) bằng cách tuyên bố rằng sự cứu rỗi chắc chắn là điều không thể đạt được. Tương tự, một số người cho rằng ở trong ân điển mà không biết là điều bất khả thi. Họ lập luận rằng nội dung của đức tin cứu rỗi là tin vào Cứu Chúa. Vậy, nếu ai nghĩ rằng mình có đức tin nhưng lại không chắc chắn rằng Đức Chúa Jêsu Christ đã cứu mình, thì người đó có đức tin thật không?

Một phần của vấn đề liên quan đến một quan điểm Cơ Đốc phổ biến, nhấn mạnh vào sự cải đạo. Cũng có một số người đến với Đấng Christ theo cách đó. Thí dụ, Billy Graham có thể xác định ngày và giờ mà ông đã trở thành Cơ Đốc nhân. Ông kể lại một ngày

cụ thể khi đến dự buổi truyền giảng, sau khi chơi một trận bóng chày. Một nhà truyền giáo lưu động tên Mordecai Ham đang rao giảng, Billy Graham đã tiến lên, rồi đột ngột kinh nghiệm sự cải đạo, điều này đã làm đảo lộn cuộc sống của ông. Tôi cũng đã trải qua sự cải đạo tương tự. Tôi biết chính xác thời điểm mình đã gặp gỡ Đấng Christ. Tôi có thể cho bạn biết ngày, giờ, địa điểm và cách sự việc diễn ra. Tuy nhiên, có một số người thậm chí không thể xác định được họ đã trở thành Cơ Đốc nhân từ năm nào. Thí dụ, Ruth Graham, vợ của Billy Graham, không biết mình đã cải đạo khi nào.

Trong Hội thánh, chúng ta có khuynh hướng biến những kinh nghiệm của mình thành chuẩn mực cho mọi người. Những người đã được cải đạo cách đột ngột có thể xác định chính xác ngày và giờ, đôi khi lại nghi ngờ những người chưa có trải nghiệm tương tự. Họ thắc mắc một người không thể chỉ ra ngày và giờ cụ thể có thực sự là Cơ Đốc nhân hay không. Đồng thời, những người không biết ngày và giờ đôi khi cũng nghi ngờ những người tuyên bố rằng họ biết chính xác thời điểm mình đã bắt đầu tin Chúa. Vấn đề cốt lõi là: Không có chỗ nào trong Kinh Thánh yêu cầu chúng ta phải biết chính xác thời điểm mình được cải đạo.

Đây là lúc cốt truyện trở nên phức tạp và có chút rắc rối. Không ai được tái sinh một nửa cả, bạn chỉ được sinh lại bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời hoặc không có chuyện đó xảy ra mà thôi. Sự tái sinh, là công tác của Đức Chúa Trời để đem chúng ta từ vương quốc tối tăm sang vương quốc sáng láng, là công tác thật của sự cải đạo và là điều xảy ra tức thời bởi công tác của Đức Thánh Linh, hầu cho

một người có thể được tái sinh. Không có quá trình tái sinh nào cả, sự kiện này xảy ra ngay lập tức.

Nhưng nếu đúng như vậy, thì điều đó có dấy lên sự nghi ngờ về những người không thể chỉ rõ ngày và giờ mà họ được cải đạo hay không? Không hề. Chúng ta cần phân biệt giữa *sự cải đạo* và *kinh nghiệm được cải đạo*. Hơn nữa, chúng ta cần nhận ra không phải ai cũng lập tức cảm biết được khoảnh khắc mà Thánh Linh của Đức Chúa Trời thực hiện công tác siêu nhiên của Ngài trong tâm linh mình. Đó là lý do cần phải có sự phân biệt những hạng người để đánh giá những người có trải nghiệm không giống với chúng ta là điều rất nguy hiểm.

Trên thực tế, dù tôi có nói nhiều về trải nghiệm cải đạo của mình – như đã đề cập ở trên là tôi có thể xác định chính xác ngày và giờ – thì tôi thấy trải nghiệm như vậy có thể không thực sự tương ứng với công tác của Đức Chúa Trời trong tâm linh của người khác. Đức Thánh Linh có thể tái sinh một người vào một tuần, một tháng, hoặc thậm chí năm năm trước khi người đó thực sự kinh nghiệm những gì đã xảy ra trong lòng mình. Vậy, ngay cả sự tin quyết của tôi đối với thời điểm cải đạo cụ thể cũng chỉ áp dụng cho kinh nghiệm cải đạo của cá nhân tôi, chứ không nên áp dụng cho người khác, bởi vì chúng ta có thể tự lừa dối mình về kinh nghiệm đó.

Trên thực tế, một trong những điều nguy hiểm nhất mà Cơ Đốc nhân chúng ta có thể làm là xác định thần học bằng kinh nghiệm cá nhân, vì kinh nghiệm của một người không thể trở thành chuẩn mực cho đời sống Cơ Đốc được. Chúng ta phải xác định thần học

từ Lời Chúa, chứ không phải từ cảm giác của chúng ta. Không chỉ vậy, chúng ta còn dễ hiểu lầm và diễn giải sai ý nghĩa cũng như tầm quan trọng của những kinh nghiệm mà chúng ta đã trải qua. Đó là lý do chúng ta được kêu gọi phải đối chiếu những kinh nghiệm của mình với Kinh Thánh, để định nghĩa đức tin của mình theo những gì Kinh Thánh dạy, chứ không phải theo những điều chúng ta cảm thấy hoặc trải qua. Nếu chúng ta xác định sự cứu rỗi chắc chắn của mình dựa vào kinh nghiệm chứ không phải Lời Chúa, thì chúng ta đang mời gọi đủ loại nghi ngờ tấn công thiên trình của mình. Chúng ta cần tìm kiếm sự hiểu biết đích thực về sự cứu rỗi, chứ không chỉ trông chờ một trải nghiệm ấm áp và mơ hồ nào đó.

Đây là hạng người mà sứ đồ Phi-e-rơ đã đề cập để khuyến khích người tin Chúa chú ý cho chắc chắn về sự Chúa kêu gọi và chọn lựa mình (2 Phi-e-rơ 1:3-11). Thật đại dột khi đưa ra lời khuyên này cho những người đã chắc chắn về sự cứu rỗi của mình. Do đó, lời dạy dỗ của sứ đồ Phi-e-rơ cho thấy rằng người ta có thể đã được cứu mà không thực sự chắc chắn về điều đó.

Những người chưa được cứu và biết rõ điều đó

Người đàn ông mà tôi đã gặp ở Cincinnati là thí dụ điển hình cho hạng người này – những người chưa được cứu và biết rõ điều đó. Có thể chúng ta cảm thấy kỳ lạ khi có những người như vậy, đặc biệt là đối với ngày hôm nay, có rất nhiều người cho rằng ai nấy rồi cũng sẽ vào thiên quốc khi qua đời. Tuy nhiên, sứ đồ Phao-lô nhắc đến nhóm người này ở cuối chương một trong thư tín Rô-ma. Sau

khi liệt kê tất cả tội lỗi và tệ nạn khác nhau mà loài người sa ngã đã vi phạm, ông kết luận rằng loài người sa ngã không chỉ vì những điều ấy mà còn khuyến khích người khác làm theo nữa – dù biết rằng ai làm những việc đó đều đáng chết (c.32).

Trong Rô-ma 1, sứ đồ Phao-lô cho chúng ta biết rằng loài người không cần phải tiếp xúc với sự dạy dỗ của Kinh Thánh thì mới nhận thức được tình trạng hư mất của mình. Qua sự mặc khải tự nhiên của Đức Chúa Trời, khi Chúa viết luật pháp của Ngài vào lòng dạ loài người và đặt Lời Chúa vào tâm trí của họ thông qua lương tâm, thì loài người biết rằng họ có tội vì hành vi của mình và họ không còn ở trong sự tương giao với Đấng tạo hóa nữa.

Trên bề mặt, nhiều người phủ nhận nguy cơ phải hứng chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, thậm chí họ còn không thừa nhận sự tồn tại của Ngài. Nhưng Kinh Thánh chép rằng: “Kẻ ác chạy trốn dầu không ai đuổi theo” (Châm ngôn 28:1), nên ở dưới bề mặt và đằng sau vẻ ngoài tự nhiên của loài người sa ngã vẫn còn tồn tại nhận thức về nan đề nghiêm trọng ở trước mặt Đức Chúa Trời. Đó là lý do chúng ta có hiện tượng “cải đạo trong chiến hào”, khi đến cuối đời, người ta đột nhiên tỉnh táo, gọi cha xứ hoặc mục sư đến, cố gắng tìm kiếm một sự đảm bảo cho sự sống đời đời.

Có thể bạn đã nghe câu chuyện về W. C. Fields, là người khi nằm trên giường bệnh, đã khiến những ai quen biết ông đều phải kinh ngạc bằng cách mở quyển Kinh Thánh ra. Một người bạn hỏi ông rằng: “W. C., ông làm gì vậy?” Fields trả lời rằng: “Đang tìm kiếm lỗi hồng”. Dù câu trả lời của ông được thể hiện bằng sự hài hước

đặc trưng, nhưng rõ ràng Fields nhận thức được rằng ông đang ở trong tình trạng cực kỳ nguy hiểm khi sắp đối diện với Đấng tạo hóa của mình.

Mặc dù có thể khó tin, nhưng vẫn có những người chưa được cứu và biết rõ điều đó. Họ biết rằng bản thân không ở trong ân điển, không còn mối tương giao với Đức Chúa Trời và xa cách Ngài. Có thể nói rằng họ thuộc dạng phủ định của sự cứu rỗi chắc chắn.

Những người chưa được cứu nhưng không biết điều đó

Đây là những gì chúng ta đã đề cập cho đến hiện tại: những người đã được cứu và biết rõ điều đó, những người đã được cứu nhưng không biết điều đó, những người chưa được cứu và biết rõ điều đó. Những hạng người này không có gì khó hiểu cả.

Nhưng hạng người thứ tư lại gây trở ngại cho toàn bộ quá trình suy xét về sự cứu rỗi chắc chắn: những người chưa được cứu nhưng “tự biết” mình đã được cứu. Hạng người này bao gồm những người không ở trong ân điển nhưng lại *nghĩ* rằng mình ở trong ân điển. Nói tóm lại, họ bị lầm tưởng về sự cứu rỗi chắc chắn.

Mục vụ Ligonier đã từng tổ chức một chuyến tham quan đến các địa điểm Cải chánh, theo dấu chân của Martin Luther. Chúng tôi đi qua nhiều địa danh khác nhau ở Đông Âu và Đông Đức, là nơi Luther đã thực hiện chức vụ của mình. Chúng tôi đã đến Erfurt, Wittenberg, Worms, Nuremberg và những nơi tương tự như vậy. Một ngày nọ, chúng tôi đến thăm một địa điểm và sau đó được tự chọn nơi ăn trưa. Các nhóm trong đoàn du lịch tản ra nhiều hướng để đi vào thị

trấn, chúng tôi đã được hướng dẫn về địa điểm cũng như thời gian tập hợp lại để tiếp tục chuyến du lịch. Một nhóm trong số chúng tôi đi dạo quanh thị trấn và dùng bữa trưa, nhưng khi ra khỏi nhà hàng, chúng tôi không nhớ mình đã đến bằng đường nào. Chúng tôi hỏi nhau: “Làm sao chúng ta có thể quay lại xe buýt đây?”. Lúc ấy, một người phụ nữ trong nhóm nói rằng: “Tôi biết đường”. Thế là cô ấy tiến lên dẫn mọi người đi bộ qua thị trấn, tất cả chúng tôi đều đi theo cô ta. Chẳng mấy chốc, tôi nhận ra mình không đi đúng hướng và bắt đầu cảm thấy hơi lo lắng. Nên tôi hỏi rằng: “Mary ơi, cô có chắc là chúng ta đang đi đúng hướng không?”. Cô trả lời rằng: “Có chứ, tôi chắc mà”. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm, nhưng chỉ sau vài bước chân, cô ấy quay lại nói rằng: “Tất nhiên, tôi luôn chắc chắn, nhưng hiếm khi đúng”.

Những người toát lên sự tự tin cho rằng mình đang trên đường về thiên quốc cũng giống như người phụ nữ ấy. Họ “biết” mình là Cơ Đốc nhân. Họ chắc chắn về sự cứu rỗi của mình, nên họ không có lo lắng gì cả. Vấn đề duy nhất là sự đảm bảo của họ không phải là sự đảm bảo đúng đắn.

Đây chính là nguyên nhân gây ra sự căng thẳng và lo lắng mà chúng ta đang cố gắng giải quyết trong quyển sách này, đặc biệt là khi so sánh giữa hạng người thứ nhất và thứ tư. Hạng người thứ nhất là những người đã được cứu và chắc chắn về sự cứu rỗi của mình, còn hạng người thứ tư là những người chưa được cứu nhưng vẫn chắc chắn về sự cứu rỗi mình. Khi tìm hiểu làm thế nào để có sự đảm bảo thực sự, chúng ta cần suy nghĩ nhiều hơn đến nguyên nhân dẫn đến việc có sự đảm bảo sai lầm.

3

SỰ ĐẢM BẢO SAI LẦM

Công cuộc tìm kiếm sự cứu rỗi chắc chắn sẽ phức tạp hơn vì có hai hạng người rất khác nhau nhưng đều chắc chắn mình đã được cứu. Vấn đề duy nhất là một trong hai hạng người này đã nhầm lẫn. Đó là những người mà Chúa Jêsus đã nhắc đến trong bài giảng trên núi khi phán rằng một số kẻ sẽ đến với Ngài vào ngày sau rốt và nói rằng: “Lạy Chúa, lạy Chúa!”. Họ sẽ đến gặp Chúa Jêsus với sự tin chắc rằng mình đã thuộc về Ngài, nhưng Chúa sẽ từ chối họ, vạch trần sự cứu rỗi chắc chắn của họ là giả tạo.

Làm sao họ lại mắc sai lầm về sự cứu rỗi chắc chắn như vậy? Làm sao người ta mắc sai lầm trong sự chắc chắn của mình như thế? Trong chương này, tôi muốn trả lời những câu hỏi trên. Dù tồn tại nhiều vấn đề khác nhau, nhưng cơ bản chúng được tóm gọn thành hai vấn đề. Thứ nhất, chúng ta sẽ tập trung vào sự hiểu biết sai lầm về những đòi hỏi của sự cứu rỗi ở trong chương này. Người ta có thể hiểu sai về những đòi hỏi của sự cứu rỗi. Chúng ta sẽ suy xét ba sai lầm chính: chủ nghĩa phổ quát, chủ nghĩa luật pháp và nhiều hình thức khác nhau của chủ nghĩa tư tế. Thứ hai,

khi một người đã hiểu đúng về những đòi hỏi của sự cứu rỗi, nhưng lại nhầm lẫn về việc bản thân đã đáp ứng được những đòi hỏi ấy chưa. Hai chương cuối của sách này sẽ giúp chúng ta biết cách đánh giá chính xác xem bản thân đã đáp ứng được những đòi hỏi của sự cứu rỗi hay chưa.

Chủ nghĩa phổ quát

Sai lầm to lớn đầu tiên dẫn đến việc cảm nhận sai về sự cứu rỗi chắc chắn là chủ nghĩa phổ quát. Chủ nghĩa phổ quát dạy rằng mọi người đều được cứu và được vào thiên quốc. Nếu một người tin vào giáo lý cứu rỗi này, một phép suy luận đơn giản sẽ đưa người đó từ giáo lý cứu rỗi phổ quát đến sự chắc chắn về tương lai của mình:

- **Tiền đề 1:** Mọi người đều được vào thiên quốc.
- **Tiền đề 2:** Tôi là một con người.
- **Kết luận:** Do đó, tôi sẽ được vào thiên quốc.

Tranh luận lớn nhất trong lịch sử của Hội thánh diễn ra vào thế kỷ 16 giữa Công giáo La Mã và các nhà Cải chánh Tin Lành về sự xưng công bình. Vấn đề là chúng ta được xưng công bình chỉ bởi đức tin hay còn bởi phương tiện nào khác. Nhưng ngày nay, sự xưng công bình chỉ bởi đức tin không còn là quan điểm phổ biến trong văn hóa của chúng ta nữa. Đúng hơn, quan điểm phổ biến của chúng ta ngày nay là giáo lý về sự xưng công bình thông qua cái chết và chủ nghĩa phổ quát bao hàm cả ý tưởng này.

Trước đó, tôi đã đề cập ngắn gọn đến câu hỏi chẩn đoán đầu

tiên của *Chứng đạo Sâu rộng* rằng: “Nếu tối nay qua đời, bạn có chắc chắn mình sẽ được vào thiên quốc không?”. Câu hỏi chẩn đoán thứ hai là: “Nếu tối nay qua đời và ứng hầu trước mặt Chúa, khi Chúa hỏi bạn rằng: ‘Vì sao Ta phải cho con vào thiên quốc?’, thì bạn sẽ trả lời như thế nào?”.

Có lần, khi đưa con trai của tôi còn nhỏ, tôi đã hỏi nó hai câu này. Tôi rất vui khi nó nhanh chóng trả lời câu hỏi đầu tiên rằng: “Dạ có”. Nhưng khi tôi hỏi câu thứ hai, nó nhìn tôi một hồi lâu cứ như tôi đang có một thắc mắc ngớ ngẩn nhất trên đời. Cậu bé trả lời rằng: “Ba ơi, con nghĩ là vì mình đã chết”. Còn gì đơn giản hơn thế nữa chẳng? Con trai của tôi lớn lên trong một gia đình theo thần học Kinh Thánh, nhưng tôi không những thất bại trong việc dạy con về sự xưng công bình chỉ bởi đức tin, mà còn để cho con bị ảnh hưởng bởi quan điểm phổ biến trong văn hóa đang cho rằng mọi người đều được vào thiên quốc và tất cả mọi việc chúng ta cần làm để được vào đó là qua đời.

Chúng ta đã loại bỏ sự phán xét cuối cùng ra khỏi thần học của mình và xóa bỏ mọi khái niệm về sự trừng phạt của Đức Chúa Trời hoặc địa ngục ra khỏi suy nghĩ của mình (và Hội thánh), đến nỗi hiện nay người ta cho rằng những điều một người cần làm để được vào thiên quốc là qua đời. Trên thực tế, công cụ quyền năng nhất của ân điển để làm nên thánh ở trong văn hóa của chúng ta là cái chết, vì tội nhân sẽ tự động được biến đổi giữa đoạn đường từ nhà xác ra đến nghĩa trang, nên khi tổ chức tang lễ, người ấy được xem là tấm gương của đức hạnh. Dường như tội lỗi của người đó

đã được cái chết xoá bỏ. Quan điểm này cực kỳ nguy hiểm, vì Kinh Thánh cảnh báo chúng ta rằng loài người đã định phải chết một lần, rồi chịu phán xét (Hê-bơ-rơ 9:27).

Người ta thích nghĩ rằng mối đe dọa về sự phán xét sau cùng là phát minh của các nhà truyền giảng nóng cháy như Billy Sunday, Dwight L. Moody, Billy Graham, Jonathan Edwards và George Whitefield. Nhưng không ai dạy về sự phán xét sau cùng lẫn sự chia cắt giữa thiên quốc và địa ngục rõ ràng hơn chính Chúa Jêsus. Trên thực tế, Chúa Jêsus phán về địa ngục nhiều hơn phán về thiên quốc và Chúa đã cảnh báo thính giả của Ngài về ngày sau rốt, mọi lời nói vô ích sẽ bị phán xét. Nhưng về mặt tâm lý, nếu có bất cứ điều gì mà người chưa được cứu muốn kìm nén, thì đó chính là mối đe dọa của sự phán xét toàn diện cuối cùng, bởi vì không ai trong số họ muốn chịu trách nhiệm về tội lỗi của mình. Do đó, không gì hấp dẫn con người hơn chủ nghĩa phổ quát – tức là ý tưởng cho rằng tất cả mọi người đều sẽ được cứu.

Chủ nghĩa luật pháp

Sai lầm lớn thứ hai dẫn đến việc nhầm lẫn về sự cứu rỗi chắc chắn là chủ nghĩa luật pháp, hoặc nói cách khác là “được xưng công bình bởi việc làm”. Chủ nghĩa luật pháp dạy rằng để được vào thiên quốc, chúng ta phải tuân giữ luật pháp của Đức Chúa Trời và sống cách đàng hoàng. Nói cách khác, việc lành sẽ đưa chúng ta vào thiên quốc. Nhiều người hiểu lầm những điều Đức Chúa Trời đòi hỏi và tin rằng họ đã đáp ứng các tiêu chuẩn mà Chúa đề ra để

được vào thiên quốc.

Tôi từng là giáo viên của chương trình *Chứng đạo Sâu rộng*, đưa học viên đến nhóm với cộng đồng một hoặc hai lần mỗi tuần, nói chuyện với mọi người và đặt những câu hỏi chẩn đoán. Sau đó, chúng tôi đối chiếu các câu trả lời mà mình nhận được. Chín mươi phần trăm các câu trả lời đều nghiêng về việc được xưng công bình bởi việc làm. Khi chúng tôi hỏi người ta rằng họ sẽ trả lời thế nào nếu Đức Chúa Trời hỏi vì sao Chúa phải cho họ vào thiên quốc, hầu hết mọi người đều trả lời rằng: “Tôi đã sống tốt đời đẹp đạo”, “Tôi đã dâng phần mười cho Hội thánh”, “Tôi đã từng làm Hướng đạo sinh”, hoặc những câu trả lời tương tự. Niềm tin của họ dựa vào một vài thành tích đạt được. Thật không may, việc làm của con người chỉ là cơ sở giả mạo để đảm bảo cho sự cứu rỗi. Kinh Thánh nói rõ rằng chẳng có một người nào bởi việc làm theo luật pháp mà sẽ được xưng công bình (Rô-ma 3:20; Ga-la-ti 3:11).

Có lẽ người thể hiện rõ nhất sự hiểu biết sai lầm về sự cứu rỗi này là vị quan trẻ tuổi giàu có đã gặp Chúa Jêsus khi Ngài đang thi hành chức vụ ở trên đất (Lu-ca 18:18-30). Chúng ta có còn nhớ khi chàng trai giàu có đến gặp Chúa Jêsus, miệng của anh ta không ngừng buông lời khen ngợi. Anh ấy nói rằng: “Thưa thầy nhân lành, tôi phải làm gì cho được hưởng sự sống đời đời?”. Anh ta hỏi Chúa Jêsus về những đòi hỏi của sự cứu rỗi.

Trước khi trả lời chàng trai về những điều kiện để được cứu rỗi, Chúa Jêsus đã xử lý lời khen ngợi của anh ta. Chúa hỏi rằng: “Sao ngươi gọi ta là nhân lành? Chỉ có một Đấng nhân lành, là Đức

Chúa Trời” (c.19). Một số nhà phê bình cho rằng, qua câu trả lời này, Chúa Jêsus đã phủ nhận sự nhân lành và thần thánh của chính Ngài. Nhưng không, Chúa Jêsus biết rất rõ rằng chàng trai này chẳng biết chút gì về Đấng mà anh ta đang nói chuyện cùng. Chàng trai không biết Chúa Jêsus là ai. Anh ta không biết rằng mình đang hỏi Đức Chúa Trời nhập thể. Vị quan trẻ tuổi giàu có này chỉ biết rằng anh ta đang nói chuyện với một người thầy dạy luật và anh ta muốn có câu trả lời cho một câu hỏi thần học. Nhưng danh tính của Chúa Jêsus là trọng tâm cho câu trả lời. Vậy, Chúa Jêsus phán rằng: “Sao ngươi gọi ta là nhân lành? Ngươi chưa đọc Thi thiên 14:3 chép: ‘Chúng nó thay thầy đều bội nghịch, cùng nhau trở nên ô uế; chẳng có ai làm điều lành, dầu một người cũng không’ sao? Chẳng có ai là nhân lành, trừ chính Đức Chúa Trời”.

Nghe có vô lý không? Suy cho cùng, chẳng phải chúng ta luôn thấy những người không tin Chúa làm điều thiện hay sao. Tất cả đều phụ thuộc vào việc chúng ta hiểu thế nào là “nhân lành”. Tiêu chuẩn theo Kinh Thánh về sự nhân lành là sự công bình của Đức Chúa Trời và chúng ta bị phán xét cả hành vi tuân giữ luật pháp lẫn động cơ bên trong hoặc ước muốn đối với việc tuân giữ luật pháp của Ngài nữa.

Tôi thấy nhiều người xung quanh mình, dù không phải là người tin Chúa nhưng vẫn thực hành những điều John Calvin gọi là “đức hạnh”, nghĩa là họ làm những điều tốt cho xã hội. Họ quyên góp tiền bạc vì những mục đích tốt đẹp, giúp đỡ người nghèo và đôi khi còn hy sinh cả bản thân vì người khác nữa. Họ làm đủ thứ

việc tuyệt vời theo chiều ngang (tức là cho người khác), nhưng lại không làm điều gì vì tình yêu trong sáng và trọn vẹn dành cho Đức Chúa Trời cả. Chắc họ cũng có một điều mà Jonathan Edwards gọi là “lợi ích cá nhân được khai sáng”, nhưng đó vẫn chỉ là lợi ích cá nhân mà thôi.

Tôi từng nghe câu chuyện về một vụ hỏa hoạn thảm khốc. Một tòa nhà bốc cháy và mọi người vội vã chạy đến giải cứu những người đang ở trong đám cháy. Lực lượng cứu hỏa đã vào bên trong và đưa ra ngoài nhiều người nhất có thể, nhưng quay trở vào tòa nhà lần nữa lại là một hành động quá nguy hiểm. Họ nhận ra có một đứa trẻ còn bị mắc kẹt trong tòa nhà, trong số những người qua đường, có một người đàn ông bất chấp nguy hiểm đã xông vào tòa nhà giữa tiếng reo hò cổ vũ của những người trên phố. Một lát sau, anh ta còn sống và an toàn trở ra với một bó đồ trên tay. Mọi người vẫn tiếp tục reo hò vì nghĩ rằng anh đã cứu được đứa trẻ. Nhưng không lâu sau họ nhận ra anh ta đã cứu lấy số tiền tiết kiệm của mình và bỏ mặc đứa trẻ bị thiêu chết trong tòa nhà đó.

Tôi tin rằng người không tin Chúa vẫn có thể lao vào tòa nhà để cứu đứa trẻ, thậm chí có thể đánh đổi cả mạng sống của mình. Đó là đức hạnh được thúc đẩy bởi lòng bác ái tự nhiên mà chúng ta dành cho nhau. Nhưng đức hạnh bề ngoài như vậy không thôi vẫn chưa đủ. Khi Đức Chúa Trời nhìn thấy hành động của loài người, Chúa hỏi rằng: “Việc này có xuất phát từ tấm lòng yêu mến ta trọn vẹn hay không?”. Hãy nhớ mạng lệnh mà Chúa Jêsus đã phán: “Người phải hết lòng, hết linh hồn, hết sức, hết trí mà kính mến

Chúa là Đức Chúa Trời người và yêu người lân cận như mình” (Lu-ca 10:27). Vậy, nếu ai tuân giữ luật pháp nhưng không dâng lòng mình cho Đức Chúa Trời, thì đức hạnh của người đó đã bị vấy bẩn. Đó là lý do Augustine nói rằng ngay cả những đức tính tốt đẹp nhất của chúng ta cũng chỉ là tật xấu có vẻ ngoài lộng lẫy mà thôi. Chẳng nào chúng ta còn ở trong xác thịt, tội lỗi sẽ còn vấy bẩn mọi việc chúng ta làm. Đó là điều mà vị quan trẻ tuổi giàu có đã không hiểu. Anh ta nghĩ mình đã đạt được tiêu chuẩn rồi.

Trong Tân Ước, sứ đồ Phao-lô đã cảnh báo rằng ai tự mình xét đoán là thiếu khôn ngoan (1 Cô-rinh-tô 10:12). Chúng ta có thể thấy hành động bên ngoài của nhau và nghĩ rằng nếu tránh được tội ngoại tình, giết người, tham ô hoặc một số tội lỗi nghiêm trọng nào đó, thì chúng ta đang làm tốt. Vì chúng ta luôn tìm thấy những người có tội nhiều hơn mình, nên chúng ta dễ dàng kết luận rằng mình vẫn chưa tệ đến như vậy.

Đó chính là tư duy của vị quan trẻ tuổi giàu có đã đến gặp Chúa Jêsus. Anh ta nghĩ Chúa Jêsus là nhân lành. Nhưng Chúa Jêsus đã ngăn anh ta lại và nhắc nhở về luật pháp rằng: “Người đã biết các điều răn này: Người chớ phạm tội tà dâm; chớ giết người; chớ trộm cướp; chớ nói chứng dối; hãy hiếu kính cha mẹ” (c.20). Câu nói này đã khiến anh ta bộc lộ sự hiểu biết nông cạn của mình về luật pháp. Chàng trai thưa rằng: “Tôi đã giữ các điều ấy từ thuở nhỏ” (c.21). Nói cách khác, anh ta muốn thể hiện rằng mình đã tuân giữ Mười Điều Răn suốt cuộc đời.

Chúa Jêsus có thể đã phán rằng: “Ta thấy người chưa nghe bài

giảng trên núi mà ta đã giải thích những hàm ý sâu xa của luật pháp. Người bỏ lỡ bài giảng ấy rồi". Hoặc Chúa có thể chỉ phán với chàng trai ấy rằng: "Người chưa giữ bất kỳ điều răn nào kể từ khi ra khỏi giường sáng nay". Thay vào đó, Chúa đã dùng đến phương pháp sư phạm rất hay để giúp chàng trai này nhận ra tội lỗi của mình. Chúa phán rằng: "Còn thiếu cho người một điều; hãy bán hết gia tài mình, phân phát cho kẻ nghèo, thì người sẽ có của cải ở trên trời; bấy giờ hãy đến mà theo ta" (c.22).

Trong câu này, Chúa Giêsu không dạy một phương pháp cứu rỗi mới. Chúa không phán rằng chúng ta có thể được cứu bằng cách quyên góp tài sản cho người nghèo. Chúa cũng không đưa ra một mạng lệnh chung để yêu cầu tất cả mọi người phải từ bỏ tài sản cá nhân. Chúa đang phán với chàng trai này rằng: tấm lòng của một người giàu có đã hoàn toàn bị chiếm hữu bởi của cải vật chất. Tiền bạc là chúa, là thần tượng của anh ta. Thật ra, Chúa Giêsu đã phán với anh ta rằng: "Người nói rằng mình đã giữ hết Mười điều răn. Được rồi, hãy kiểm tra điều thứ nhất: 'Trước mặt ta, người chớ có các thần khác' (Xuất Ê-díp-tô ký 20:3). Hãy đi và bán hết gia tài mình". Nghe vậy, chàng thanh niên mới đây còn rất nhiệt huyết, liền lắc đầu. "Nhưng người ấy nghe mấy lời thì trở nên buồn rầu, vì giàu có lắm" (c.23).

Toàn bộ cuộc gặp gỡ này đều nói về sự nhân lành. Chúng ta có đủ nhân lành – đủ công bình – để đáp ứng những đòi hỏi của Đức Chúa Trời thánh khiết không? Mỗi trang trong Tân Ước đều nói lên lẽ thật rằng mọi sự công bình của chúng ta đều như chiếc áo

nhớ (Ê-sai 64:6). Hễ ai trông cậy vào sự công bình riêng để được cứu rỗi là người không có sự cứu rỗi chắc chắn. Chúng ta không thể làm đủ việc lành để được cứu rỗi. Chúng ta là những đầy tớ vô ích (Lu-ca 17:10).

Chủ nghĩa tư tế

Sai lầm phổ biến thứ ba dẫn đến việc nhầm lẫn về sự cứu rỗi chắc chắn là chủ nghĩa tư tế. Đây là quan điểm cho rằng sự cứu rỗi được thực hiện thông qua chức thầy tế lễ, các nghi lễ tôn giáo và/hoặc thông qua Hội thánh. Người ta chỉ vào phép báp-tem, lễ Tiệc thánh, hoặc các nghi lễ khác và nói rằng: “Tôi đã giữ những nghi lễ này, đó là công cụ của ân điển. Tôi có sự cứu rỗi chắc chắn nhờ vào những nghi lễ tôn giáo”.

Đây là sai lầm mà người Pha-ri-si đã mắc phải. Họ cho rằng vì mình đã chịu phép cắt bì nên sẽ có một chỗ ở trong nước của Đức Chúa Trời.

Những nghi lễ tôn giáo rất quan trọng. Chúng cho chúng ta biết những lời hứa của Đức Chúa Trời về sự cứu rỗi. Ngoài ra, chúng là công cụ của ân điển để giúp đỡ chúng ta trong đời sống Cơ Đốc. Nhưng các nghi lễ không cứu rỗi ai cả và người nào trông cậy những nghi lễ đó đều nhầm lẫn về sự cứu rỗi chắc chắn, vì họ đang đặt niềm tin vào một thứ không thể cứu rỗi.

Liên quan chặt chẽ đến vấn đề này là ý tưởng của nhiều người cho rằng tất cả mọi việc người ta cần làm để được cứu rỗi là trở thành tín hữu của một Hội thánh. Họ tưởng rằng tham gia vào

một Hội thánh nào đó là được dự phần trong thân thể hữu hình của Đấng Christ, nên họ nghiễm nhiên cũng được dự phần vào Hội thánh vô hình. Vì vậy, họ đặt niềm tin vào vai trò tín hữu của Hội thánh. Nhưng trở thành tín hữu của một Hội thánh không thể xưng công bình cho ai cả, đây cũng là một sai lầm và không thích hợp để có được sự cứu rỗi chắc chắn.

Cuối cùng, giới Tin Lành tồn tại một số hoạt động khác dẫn đến việc nhầm lẫn về sự cứu rỗi chắc chắn: lặp lại lời cầu nguyện tiếp nhận Chúa, giơ tay lên trong một sự kiện truyền giáo, tiến lên tiếp nhận Chúa khi được kêu gọi ăn năn, hoặc đưa ra quyết định tin Chúa Jêsus. Đây là tất cả kỹ thuật hoặc phương pháp được dùng để kêu gọi người ta ăn năn và tiếp nhận Chúa. Điều nguy hiểm là những người đã cầu nguyện, giơ tay, tiến lên phía trước hoặc đưa ra quyết định đôi khi lại tin vào chính những hành động ấy. Những lời tuyên xưng bên ngoài có thể gây hiểu lầm. Người ta có thể thực hiện những động thái bên ngoài để *tuyên xưng đức tin*, nhưng lại không thật sự *được cứu rỗi*.

Bạn thấy đấy, có nhiều cách ngộ nhận về sự cứu rỗi chắc chắn. Trong chương tiếp theo, chúng ta sẽ bàn về cách phòng tránh và vượt qua những ảo tưởng này, chúng ta cũng sẽ tìm hiểu những phương pháp thích hợp để có sự cứu rỗi chắc chắn theo Kinh Thánh.

4

NHẬN ĐƯỢC SỰ CỨU RỒI CHẮC CHẮN

Khi còn học ở chủng viện, một trong những người bạn của tôi đã thăm dò các sinh viên và giáo sư xem họ có chắc chắn về sự cứu rỗi của mình không. Hơn chín mươi phần trăm số người được hỏi cho biết họ không chắc chắn. Hơn nữa, họ nghĩ rằng người nào dám tuyên bố chắc chắn sẽ được cứu là một kẻ kiêu ngạo. Họ đã xem ý tưởng về sự cứu rỗi chắc chắn không phải là ưu điểm mà là khuyết điểm. Theo đuổi sự cứu rỗi chắc chắn có ý nghĩa tiêu cực vì người ta cho rằng điều đó sẽ dẫn đến kiêu ngạo.

Tất nhiên, không có sự kiêu ngạo nào tệ hơn bằng việc tin chắc vào một điều nào đó mà chúng ta không hề sở hữu. Tin chắc rằng mình sẽ được cứu rỗi khi chưa được cứu rỗi là kiêu ngạo. Tương tự, chúng ta là kẻ kiêu ngạo nếu nói rằng không có sự cứu rỗi chắc chắn, vì nói vậy là chúng ta đang phỉ báng sự thành thật của chính Đức Chúa Trời. Nếu có sự cứu rỗi chắc chắn, thì chúng ta sẽ là kẻ kiêu ngạo nếu không tìm kiếm sự đảm bảo đó.

Khi suy xét nguyên nhân lâm tường về sự cứu rỗi chắc chắn, chúng ta thấy một trong những nan đề nghiêm trọng nhất là hiểu sai về những đòi hỏi của sự cứu rỗi. Nói cách khác, thần học sai lạc có thể gây ra ảo tưởng về sự cứu rỗi. Cũng vậy, thần học đúng đắn sẽ dẫn đến sự cứu rỗi chắc chắn. Do vậy, khi chúng ta bắt đầu tìm hiểu làm thế nào để có được nền tảng đúng đắn và vững chắc cho sự cứu rỗi chắc chắn, thì chúng ta phải bắt đầu từ thần học.

Mạng lệnh tìm kiếm sự cứu rỗi chắc chắn

Một trong những câu Kinh Thánh quan trọng liên quan đến việc theo đuổi sự cứu rỗi chắc chắn là 2 Phi-e-rơ 1:10-11, trong đó chúng ta thấy rằng: “Vậy, hỡi anh em, hãy chú ý cho chắc chắn về sự Chúa kêu gọi và chọn lựa mình. Làm điều đó anh em sẽ không hề vấp ngã; đường ấy, anh em sẽ được cho vào cách rộng rãi trong nước đời đời của Đức Chúa Jêsus Christ là Chúa và Cứu Chúa của chúng ta”. Trong câu Kinh Thánh này, không hề mơ hồ, mạng lệnh của sứ đồ Phi-e-rơ đưa ra là hãy chú ý cho chắc chắn về sự Chúa lựa chọn, chứ không phải làm cách tùy tiện, hời hợt. Thay vào đó, chúng ta phải chăm chỉ để biết chắc về sự kêu gọi và sự chọn lựa của mình. Sứ đồ Phi-e-rơ cho chúng ta biết rằng điều này rất quan trọng, sau đó ông còn đưa ra những lý do thực tiễn để chúng ta phải chăm chỉ biết chắc về sự kêu gọi và chọn lựa của mình.

Sứ đồ Phi-e-rơ rất quan tâm đến khái niệm được chọn lựa này. Thư tín đầu tiên của ông gửi cho “những người kiều ngụ... là những người được chọn” (1 Phi-e-rơ 1:1). Ông viết thư cho những người

được chọn và dạy họ biết ý nghĩa của sự được chọn lựa. Sứ đồ Phi-e-rơ giải thích được lựa chọn là gì ở trong thiên trình của mỗi chúng ta. Đó là lý do vì sao, trong thư tín thứ hai, khi ông gửi cho những người đó, ông nhắc họ nhớ về tầm quan trọng của việc biết chắc về sự chọn lựa của họ.

Sứ đồ Phi-e-rơ đề cập đến “sự chọn lựa” rất quan trọng, vì đây là ngưỡng cửa để chúng ta bước vào thần học. Nhiều người không tin vào sự chọn lựa, quên rằng đó là một khái niệm theo Kinh Thánh. Có người hỏi rằng: “Làm sao biết mình được chọn hay không được chọn?” Tôi nói với những người đang gặp khó khăn với khái niệm được chọn rằng: không có thắc mắc nào cần phải được giải quyết trong đời sống Cơ Đốc bằng câu hỏi chúng ta có được kể vào trong số những kẻ được chọn hay không. Nếu chúng ta có sự hiểu biết đúng đắn về sự chọn lựa, nếu chúng ta biết rằng mình được kể vào trong số những kẻ được chọn, thì sự hiểu biết đó sẽ là niềm yên ủi rất lớn khi chúng ta sợ sệt run rẩy làm nên sự cứu chuộc mình (Phi-líp 2:12) và khi chúng ta gặp phải đủ thứ đau khổ sẽ xuất hiện trong đời sống Cơ Đốc của mình (2 Ti-mô-thê 3:12).

Trong 2 Ti-mô-thê 1:12, sứ đồ Phao-lô viết rằng: “... vì biết ta đã tin Đấng nào, chắc rằng Đấng ấy có quyền phép giữ sự ta đã phó thác cho đến ngày đó”. Sứ đồ Phao-lô đang nói về sự tin quyết của ông vào tương lai của chính mình vì ông biết mình đã đặt đức tin vào đâu. Ông nói rằng ông không tin cậy vào sức riêng của bản thân để bền đỗ đến cuối cùng. Thay vào đó, sự tin quyết của ông dựa vào Đấng mà ông đã tin, biết rằng Đấng ấy có thể gìn giữ ông.

Đó chính là sự chọn lựa chắc chắn mà sứ đồ Phi-e-rơ khuyên chúng ta hãy chú ý cho kỹ.

Nếu chúng ta được kêu gọi phải biết chắc chắn về sự chọn lựa của mình, thì chúng ta *có thể* biết chắc về sự chọn lựa của mình. Chúng ta có thể biết mình có nằm trong số những kẻ được chọn lựa hay không. Vì thế, chúng ta không nên trì hoãn việc tìm kiếm sự cứu rỗi chắc chắn cho đến cuối đời. Chúng ta nên tìm kiếm điều đó thật chăm chỉ ngay bây giờ. Chúng ta nên biết chắc rằng mình đã được kể vào trong số những kẻ được chọn lựa, ở trong vương quốc của Đức Chúa Trời, được nhận làm con nuôi ở trong nhà của Đức Chúa Cha, thực sự ở trong Đấng Christ và Chúa ở trong chúng ta. Nhưng chúng ta làm điều đó như thế nào? Hiểu rõ giáo lý về sự tuyển chọn là bước quan trọng đầu tiên.

Quan điểm biết trước về sự chọn lựa

Như tôi đã lưu ý trước đó, nhiều người ngày nay phản đối ý tưởng về sự tuyển chọn, sự phản đối ấy đã dẫn đến một vài quan điểm liên quan đến sự chọn lựa. Thí dụ, có vài người nghĩ rằng sự cứu rỗi của chúng ta là cơ sở để được chọn lựa. Theo quan điểm này, sự cứu rỗi (về mặt nào đó) xảy ra trước sự chọn lựa. Chúng ta gọi là quan điểm biết trước hoặc biết trước về sự chọn lựa.

Người nào có quan điểm về sự chọn lựa như thế tin rằng Đức Chúa Trời chọn những kẻ sẽ sử dụng đức tin cứu rỗi để được cứu rỗi. Nhờ sự biết trước mà Đức Chúa Trời sẽ xem thử người nào sẽ đáp ứng tích cực với sứ điệp Phúc Âm và người nào không làm điều

đó. Dựa vào sự biết trước về những kẻ sẽ đáp ứng với sứ điệp Phúc Âm, nên Chúa đưa ra sự chọn lựa của Ngài. Khi Chúa thấy người nào sử dụng đức tin và bước vào sự cứu rỗi, thì Chúa sẽ chọn họ dựa trên cơ sở đó.

Tôi không tin quan điểm về sự chọn lựa này lấy cơ sở ở trong Kinh Thánh hoặc có thể giải thích về sự tuyển chọn. Thực tế, tôi nghĩ quan điểm đó phủ nhận giáo lý về sự tuyển chọn theo Kinh Thánh. Tôi nói điều này vì quan điểm biết trước về sự chọn lựa làm cho yếu tố quyết định được cứu rỗi, xét cho cùng, là việc làm chứ không phải là ân điển và lòng thương xót của Đức Chúa Trời. Tôi nghĩ người nào dựa vào quan điểm biết trước về sự chọn lựa này luôn gặp khó khăn với sự cứu rỗi chắc chắn của mình, vì sự cứu rỗi chắc chắn của họ chung quy đã bị trói chặt vào sự thể hiện của họ.

Theo tôi hiểu Kinh Thánh, sự tuyển chọn là để được cứu rỗi. Trong quan điểm này, nếu bạn được chọn, bạn sẽ được cứu, còn nếu bạn được cứu, thì đó là dấu hiệu rõ ràng nhất cho thấy bạn được kể vào trong số những kẻ được chọn. Để tôi nói theo cách khác: Không ai được cứu mà không được chọn, không ai được chọn mà không được cứu. Sự cứu rỗi đến từ sự chọn lựa, vì nếu chúng ta muốn biết chắc về sự cứu rỗi của mình, thì chúng ta cần biết mình có nằm trong số những kẻ được chọn hay không.

Qua sự dạy dỗ của sứ đồ Phi-e-rơ, chúng ta thấy vì sao phải chú ý cho kỹ về sự kêu gọi và sự chọn lựa của mình lại quan trọng đến như vậy. Nếu chúng ta chắc chắn rằng mình được kể vào trong số những kẻ được chọn, thì chúng ta có thể chắc chắn về sự cứu

rỗi của mình, không chỉ cho ngày hôm nay mà còn cho cả tương lai nữa. Đây là sự thật, vì sự chọn lựa không chỉ làm nên sự cứu rỗi mà còn đảm bảo sự cứu rỗi cho những kẻ được chọn nữa. Nói cách khác, ý định của Đức Chúa Trời trong sự tuyển chọn là cứu rỗi những kẻ được chọn. Ý định ấy không thể và sẽ không bao giờ bị thất bại.

Có một phân đoạn Kinh Thánh mà tôi thường được rất yên ủi, mặc dù không được đề cập thường xuyên trong bối cảnh này. Đó là ở trong Phúc Âm theo Giăng, trong lúc Chúa Jêsus cất tiếng cầu nguyện cho các môn đồ và cho những kẻ sau này sẽ tin Ngài như một thầy tế lễ thượng phẩm. Thực tế, đây là phân đoạn đã nâng đỡ Hội thánh suốt mọi thời đại. Chúa Jêsus phán rằng:

“Con đã tỏ danh Cha ra cho những người Cha giao cho Con từ giữa thế gian; họ vốn thuộc về Cha, Cha giao họ cho Con, và họ đã giữ lời Cha. Hiện nay họ đã biết rằng mọi sự Cha đã giao cho Con đều là từ Cha mà đến. Vì Con đã truyền cho họ những lời Cha đã truyền cho Con, và họ đã nhận lấy; nhìn biết quả thật rằng Con đến từ nơi Cha, và tin rằng ấy là Cha sai Con đến. Con vì họ mà cầu nguyện; chẳng phải vì thế gian mà cầu nguyện, nhưng vì kẻ Cha đã giao cho Con, bởi chưng họ thuộc về Cha. Phàm mọi điều thuộc về Con tức là thuộc về Cha, mọi điều thuộc về Cha tức là thuộc về Con, và Con nhân họ được tôn vinh. Con không ở thế gian nữa, nhưng họ còn ở thế gian, và Con về cùng Cha. Lạy Cha thánh, xin gìn giữ họ trong danh Cha, là danh Cha đã ban cho Con, để họ cũng hiệp làm một như chúng ta vậy. Đang khi Con còn ở với họ, Con gìn giữ họ trong danh Cha, là danh

Cha đã ban cho Con. Con đã gìn giữ họ, trừ đứa con của sự hư mất ra, thì trong đám họ không một người nào bị thất lạc, hầu cho lời Kinh Thánh được ứng nghiệm". (Giăng 17:6-12)

Trong lời cầu nguyện này, Chúa Jêsus phán rằng Đức Chúa Cha đã ban cho Ngài một nhóm người nhất định. Những người này được cứu bởi Đức Chúa Con, vì hết thảy những kẻ được Cha giao cho Con đều đến với Con và được Con gìn giữ (Giăng 6:37, 39-40, 44). Khi Chúa Jêsus phán về những kẻ được Cha giao cho Ngài, Chúa đang ám chỉ những kẻ được chọn. Những kẻ được Cha giao cho Con sẽ được Con gìn giữ. Đó là cơ sở cho sự cứu rỗi chắc chắn thực sự của chúng ta, chứ không phải là khả năng kiên trì chịu đựng của chúng ta đâu.

Chúng ta nói về sự bền đỗ của các thánh đồ, tôi tin rằng các thánh đồ có sự bền đỗ, nhưng họ bền đỗ vì họ được Chúa gìn giữ. Vậy, thà nói về sự gìn giữ các thánh đồ còn hơn nói về sự bền đỗ của các thánh đồ. Chúng ta nghe điều này trong Lời Chúa Jêsus cầu xin Cha gìn giữ những kẻ đã được giao cho Ngài.

Ordo Salutis

Khi chúng ta nhìn sâu hơn vào mối liên hệ giữa sự chọn lựa và sự cứu rỗi, chúng ta cần để ý đến những điều các nhà thần học gọi là *ordo salutis*, hay "trật tự của sự cứu rỗi". *Ordo salutis* liên quan đến thứ tự của các sự kiện diễn ra khác nhau dẫn đến sự cứu chuộc của chúng ta, cụ thể là thứ tự lô-gíc hơn là thứ tự thời gian.

Sau đây là sự khác biệt mà tôi muốn nói. Chúng ta tin rằng mình được xưng công bình chỉ bởi đức tin. Nhưng sau khi có đức tin cứu rỗi thật thì mất bao lâu sau chúng ta mới được xưng công bình? Có phải là năm giây, năm phút, năm tháng hoặc là năm năm? Không, chúng ta nói rằng sự xưng công bình và đức tin xảy ra cùng một thời điểm. Ngay khi chúng ta có đức tin thật, chính lúc đó, Đức Chúa Trời sẽ tiếp nhận chúng ta là những kẻ được xưng công bình. Nhưng chúng ta vẫn nói rằng đức tin đến trước sự xưng công bình, mặc dù chúng xảy ra cùng một lúc. Về mặt lô-gíc, đức tin đến trước sự xưng công bình. Nói cách khác, vì sự xưng công bình của chúng ta phụ thuộc và dựa vào đức tin, nên đức tin là điều kiện tiên quyết, là điều kiện cần thiết phải có để sự xưng công bình xảy ra. Về mặt lô-gíc, đức tin là cần thiết để được xưng công bình. Đức tin xảy ra trước sự xưng công bình, không phải về mặt thời gian, mà về mặt tất yếu của lô-gíc. Vậy, khi chúng ta nói về trật tự của sự cứu rỗi, hãy nhớ rằng chúng ta muốn nói đến sự khác biệt giữa những điều kiện tiên quyết dựa vào tính lô-gíc.

Trong Rô-ma 8, chúng ta có một trong những câu Kinh Thánh nổi tiếng và được yêu thích nhất trong toàn bộ Tân Ước chép rằng: “Vả, chúng ta biết rằng mọi sự hiệp lại làm ích cho kẻ yêu mến Đức Chúa Trời, tức là cho kẻ được gọi theo ý muốn Ngài đã định” (c.28). Hãy lưu ý lời hứa về mọi sự hiệp lại làm ích cho những kẻ yêu mến Đức Chúa Trời, những kẻ được mô tả ở trong câu Kinh Thánh này là những người được gọi theo ý muốn Ngài đã định.

Đó là một sự kêu gọi đặc biệt. Kinh Thánh nói tiếng gọi của Phúc

Âm là dành cho mọi người – tức là tiếng gọi bên ngoài. Không phải ai nghe được lời kêu gọi này thì đều sẽ được cứu. Chúng ta cũng nói về tiếng gọi bên trong, tiếng gọi của Đức Chúa Trời ở trong lòng mọi người, ở trong trái tim, là công tác của Đức Thánh Linh, và đó là tiếng gọi hiệu nghiệm. Trong tiếng gọi này, Đức Thánh Linh mở lòng những người tin Chúa, hành động ở trong lòng họ để thực hiện ý định của Đức Chúa Trời. Đây chính là tiếng gọi mà sứ đồ Phao-lô đề cập trong Rô-ma 8:28. Hết thảy những kẻ được chọn đều nhận được tiếng gọi ở trong lòng, như được thể hiện rất rõ trong các câu Kinh Thánh sau.

Chúng ta hãy xem phần đầu của câu 29 chép rằng: “Vì những kẻ Ngài đã biết trước, thì Ngài cũng đã định sẵn để nên giống như hình bóng Con Ngài”. Sứ đồ Phao-lô đang nói về ý định của Đức Chúa Trời ở trong sự cứu rỗi, ông bắt đầu bằng cách đề cập đến sự biết trước của Đức Chúa Trời. Ông cho chúng ta biết rằng những kẻ được Đức Chúa Trời biết trước, thì Chúa đã định sẵn. Sự tiền định này có mục đích gì? Đó là những kẻ được Đức Chúa Trời biết trước sẽ được biến hóa nên giống ảnh tượng của Đấng Christ.

Trong câu 30, chúng ta thấy một điều gọi là “dây chuyền vàng” chép rằng: “Còn những kẻ Ngài đã định sẵn, thì Ngài cũng đã gọi, những kẻ Ngài đã gọi, thì Ngài cũng đã xưng là công bình, và những kẻ Ngài đã xưng là công bình, thì Ngài cũng đã làm cho vinh hiển”. Đây là phiên bản rút gọn nói về trật tự của sự cứu rỗi. Ngoài những khía cạnh được đề cập ở đây, còn có những khía cạnh khác của sự cứu rỗi; Rô-ma 8:30 nêu bật những điều đó. Thí dụ, sự

nên thánh không có trong danh sách này. Thay vào đó, danh sách này bao gồm (quay lại câu 29) thứ nhất, sự biết trước; thứ hai, sự tiền định; thứ ba, sự kêu gọi; thứ tư, sự xưng công bình; thứ năm, sự vinh hiển.

Chúng ta cần phải hiểu đúng về sự cứu rỗi chắc chắn để nắm bắt được trật tự của sự cứu rỗi này. Như tôi đã lưu ý, sứ đồ Phao-lô đang đề cập đến một trật tự hợp lý bắt đầu bằng sự biết trước. Quan điểm biết trước về sự chọn lựa mà tôi đã đề cập trước đó rất phổ biến vì ai đọc phân đoạn này xong cũng đều nói rằng: “Thì ra là vậy! Đầu tiên là sự biết trước. Có nghĩa là sự tuyển chọn hoặc sự tiền định dựa vào việc Đức Chúa Trời biết trước về loài người”. Nhưng bản văn không nói như vậy. Trên thực tế, sứ đồ Phao-lô đã giải thích rõ hơn trong Rô-ma 9, ông loại trừ khả năng đó. Theo quan điểm Cải chánh về sự tuyển chọn, những kẻ được chọn theo ý muốn của Đức Chúa Trời không phải là những con số vô danh. Vì Đức Chúa Trời chọn ai, thì Chúa đã biết phải chọn người nào. Vậy, sự biết trước phải xảy ra trước sự tiền định, vì Đức Chúa Trời định sẵn những người Chúa yêu và chọn lựa.

Sự kiện hợp lý tiếp theo là sự tiền định. Sứ đồ Phao-lô cho chúng ta biết rằng những kẻ được Đức Chúa Trời biết trước, thì Chúa đã định sẵn. Điều này không được nói rõ nhưng có thể hiểu rõ ở đây rằng hết thảy những ai nằm trong số được biết trước đều là những người đã được định sẵn. Tất nhiên, Đức Chúa Trời biết trước về tất cả mọi người, không chỉ những kẻ được chọn. Nhưng sứ đồ Phao-lô đang nói đến sự biết trước của Đức Chúa Trời về những kẻ

được Chúa chọn. Làm sao chúng ta biết điều đó? Vì sứ đồ Phao-lô tuyên bố rằng hết thảy những kẻ được Đức Chúa Trời biết trước, tức là Chúa biết trước về họ, đều được định sẵn, và hết thảy những kẻ đã được định sẵn đều được kêu gọi, hết thảy những kẻ được kêu gọi đều được xưng công bình. Đó là điểm quan trọng. Nếu hết thảy những kẻ được gọi đều được xưng công bình, thì sứ đồ Phao-lô không thể nào ám chỉ đến sự kêu gọi bên ngoài. Ông hẳn đang nói đến tiếng gọi ở trong lòng, vì hết thảy những kẻ tiếp nhận lời kêu gọi đặc biệt này đều được xưng là công bình, cũng như hết thảy những kẻ được xưng công bình đều sẽ được vinh hiển.

Vậy, nếu tôi muốn biết mình có được vinh hiển hay không – tức là tôi có được cứu hay không – thì tôi cần xác định xem mình có được xưng công bình hay không. Nếu tôi đã được xưng công bình, thì tôi biết mình sẽ được vinh hiển. Nói cách khác, nếu tôi được xưng công bình ngay bây giờ, thì tôi không phải lo lắng gì cả – Đáng đã khởi sự làm việc lành ở trong tôi sẽ làm trọn cho đến ngày cuối cùng (Phi-líp 1:6).

Tiếng gọi liên quan đến sự cứu rồi chắc chắn

Tiếng gọi đóng vai trò thế nào trong sự cứu rồi chắc chắn của chúng ta? Tôi sẽ nói thêm về điều này trong chương tiếp theo, nhưng bây giờ tôi xin nói rằng nếu tiếng gọi mà sứ đồ Phao-lô đề cập trong Rô-ma 8:29-30 ám chỉ đến công tác của Đức Thánh Linh đang hành động ở trong linh hồn để chuẩn bị đức tin và sự xưng công bình, nếu chúng ta biết mình đã nhận được tiếng gọi này, thì

chúng ta biết mình được chọn.

Nhưng làm sao chúng ta biết mình có được gọi hay không? Sứ đồ Phao-lô đưa ra câu trả lời trong Ê-phê-sô 2 chép rằng:

“Còn anh em đã chết vì lầm lỗi và tội ác mình, đều là những sự anh em xưa đã học đòi, theo thói quen đời nầy, vâng phục vua cầm quyền chốn không trung, tức là thần hiện đương hành động trong các con bạn nghịch. Chúng ta hết thầy cũng đều ở trong số ấy, trước kia sống theo tư dục xác thịt mình, làm trọn các sự ham mê của xác thịt và ý tưởng chúng ta, tự nhiên làm con của sự thịnh nộ, cũng như mọi người khác. Nhưng Đức Chúa Trời, là Đấng giàu lòng thương xót, vì có lòng yêu thương lớn Ngài đem mà yêu chúng ta, nên đang khi chúng ta chết vì tội mình, thì Ngài làm cho chúng ta sống với Đấng Christ – ấy là nhờ ân điển mà anh em được cứu – và Ngài làm cho chúng ta đồng sống lại và đồng ngồi trong các nơi trên trời trong Đức Chúa Jêsus Christ, hầu cho về đời sau tỏ ra sự giàu có vô hạn của ân điển Ngài, mà Ngài bởi lòng nhân từ đã dùng ra cho chúng ta trong Đức Chúa Jêsus Christ. Vả, ấy là nhờ ân điển, bởi đức tin, mà anh em được cứu, điều đó không phải đến từ anh em, bèn là sự ban cho của Đức Chúa Trời. Ấy chẳng phải bởi việc làm đâu, hầu cho không ai khoe mình; vì chúng ta là việc Ngài làm ra, đã được dựng nên trong Đức Chúa Jêsus Christ để làm việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn trước cho chúng ta làm theo”. (Ê-phê-sô 2:1-10)

Trong bản tóm tắt ngắn gọn này, sứ đồ Phao-lô tập trung vào công tác của Đức Thánh Linh, nhờ đó “làm cho chúng ta sống”, một công tác mà chúng ta hiểu là sự tái sinh hoặc sự sinh lại về mặt thần học.

Chúa Jêsus phán cùng Ni-cô-đem rằng sự tái sinh cần phải xảy ra trước khi một người nhìn thấy nước Đức Chúa Trời, chứ đừng nói đến việc bước vào đó (Giăng 3:3, 5). Sự tái sinh gắn liền với tiếng gọi bên trong này. Vậy, khi chúng ta tìm kiếm sự cứu rỗi chắc chắn, chúng ta có thể biết rằng mình được kể vào trong số những kẻ được chọn, vì nếu không được chọn, thì công tác của Đức Thánh Linh sẽ không diễn ra trong linh hồn của chúng ta.

Vậy, hết thảy những kẻ được chọn sẽ được tái sinh bởi Đức Thánh Linh vào một thời điểm nào đó trong cuộc đời. Tương tự, hết thảy những kẻ được tái sinh đều được kể vào trong số những người được chọn. Vậy, nếu bạn biết chắc về sự tái sinh của mình, thì bạn có thể chắc chắn về sự chọn lựa của mình; nếu bạn chắc chắn về sự chọn lựa của mình, thì bạn có thể chắc chắn về sự cứu rỗi của mình.

Do đó, điều quan trọng là chúng ta phải hiểu tái sinh là gì. Có một sự nhầm lẫn rất lớn trong Cơ Đốc giáo về công tác tái sinh của Đức Thánh Linh. Những kẻ tự xưng là người Tin Lành ở Mỹ có niềm tin khác nhau về những điều đã xảy ra khi Đức Thánh Linh tái sinh một người đã chết về mặt thuộc linh trở thành một người mới về mặt thuộc linh. Đó là lý do vì sao có một giáo lý đúng đắn về sự tái sinh rất quan trọng, nó sẽ giúp chúng ta biết chắc về sự cứu rỗi của mình ở trong ân điển và mối liên hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời. Vậy, trong chương cuối cùng, tôi muốn suy xét về công tác của Đức Thánh Linh trong đời sống của chúng ta, cũng chính là nền tảng quan trọng nhất cho sự cứu rỗi chắc chắn.

5

NGUỒN GỐC CỦA SỰ CỨU RỒI CHẮC CHẮN

Các cuộc thăm dò từ những tổ chức như Gallup và nhóm Barna thực hiện thường xuyên cho thấy hàng chục triệu người Mỹ tự xưng mình là “Cơ Đốc nhân đã được tái sinh”. Thật không may, nhiều người trong số họ có hiểu biết sai lầm về ý nghĩa của sự sinh lại. Nếu hỏi thì họ trả lời rằng: “Một Cơ Đốc nhân được tái sinh là người đã đưa ra quyết định trong buổi truyền giảng” hoặc “Một người được tái sinh là người đã lặp lại lời cầu nguyện tiếp nhận Chúa”. Tuy nhiên, những hành động này không phải là dấu hiệu thực sự cho thấy một người đã được tái sinh; như chúng ta đã thấy, một người có thể tuyên xưng đức tin mà không được tái sinh.

Được tái sinh có nghĩa là được Đức Thánh Linh biến đổi. Đây là điều quan trọng cần phải hiểu rõ về sự cứu rỗi chắc chắn.

Trong chương trước, chúng ta thấy trong Ê-phê-sô 2 về sự tương phản mạnh mẽ giữa kinh nghiệm của chúng ta trước và sau khi được Đức Thánh Linh tái sinh. Trước khi được tái sinh, chúng ta theo

“thói quen đời nầy, vâng phục vua cầm quyền chốn không trung, tức là thần hiện đương hành động trong các con bạn nghịch... làm trọn các sự ham mê của xác thịt và ý tưởng chúng ta” (c.2-3a). Hai câu Kinh Thánh này mô tả cuộc đời của một người sa ngã không được tái sinh. Nhưng sau khi được tái sinh, chúng ta “chẳng phải là người ngoại, cũng chẳng phải là kẻ ở trọ nữa, nhưng là người đồng quốc với các thánh đồ, và là người nhà của Đức Chúa Trời” (c.19).

Sự tái sinh diễn ra như thế nào? Khi Đức Thánh Linh hành động thì linh hồn của chúng ta có những thay đổi như thế nào?

Một phần tranh luận về sự tái sinh tập trung vào những khác biệt trong sự hiểu biết của chúng ta về nguyên tội. Hết thấy những ai tự xưng là Cơ Đốc nhân đều tin rằng loài người đã bị sa ngã và bản chất của chúng ta có sự sai trật nào đó. Tất cả chúng ta đều tin rằng loài người là tạo vật đã bị bại hoại. Nhưng vẫn có những khác biệt rất lớn về mức độ sa ngã – nói cách khác là mức độ suy đồi đạo đức xảy ra sau sự sa ngã.

Một số Cơ Đốc nhân tin rằng tuy loài người đã sa ngã, nhưng dù linh hồn có bại hoại đến đâu, thì vẫn ẩn chứa những “ốc đảo công bình” nhỏ bé không bị ảnh hưởng bởi sự sa ngã. Từ ốc đảo công bình này, loài người vẫn có thể đồng tác với ân điển của Đức Chúa Trời, trước khi họ được tái sinh. Tuy nhiên, tôi không thể tìm thấy ý tưởng này ở bất cứ đâu trong Kinh Thánh. Khi chúng ta đọc thấy sự dạy dỗ trong Kinh Thánh về tánh tự nhiên của mình, chúng ta thấy những mô tả như “làm tôi sự hư nát” (Rô-ma 8:21), “đã chết vì lầm lỗi và tội ác” (Ê-phê-sô 2:1) và “con của sự thanh nộ” (Ê-phê-sô

2:3). Theo truyền thống, Hội thánh đã hiểu những tuyên bố này có nghĩa là hễ ai chưa được tái sinh thì sẽ có khuynh hướng đạo đức, thành kiến nghịch cùng Đức Chúa Trời. Về bản chất, Kinh Thánh cho biết rằng loài người thù địch với Đức Chúa Trời, từ "*thù địch*" mô tả thái độ đối kháng. Trước khi được tái sinh, chúng ta không có hứng thú với những điều liên quan đến Đức Chúa Trời. Chúng ta chẳng hề có tình cảm chân thành dành cho Đấng Christ, lòng của chúng ta không có yêu Đức Chúa Trời.

Vậy thì làm sao chúng ta biết mình đã được tái sinh?

Chúng ta có yêu Chúa Jêsus không?

Trên thực tế, những người đang trở về sự cứu rỗi chắc chắn của mình thường đến gặp tôi và hỏi rằng: "Làm thế nào để biết chắc mình đã được cứu?". Để giải đáp, tôi hỏi họ ba câu.

Thứ nhất, tôi hỏi rằng: "Bạn có yêu Chúa Jêsus hết lòng không?". Hết thảy những ai nghe câu này đều thật thà trả lời rằng: "Không". Đó là lý do khiến họ không chắc chắn về tình trạng của linh hồn mình; họ biết rằng tình yêu dành cho Đấng Christ vẫn còn thiếu sót, vì nếu họ yêu Đấng Christ hết lòng, thì sẽ hoàn toàn vâng lời Ngài. Chúa Jêsus phán rằng: "Nếu các ngươi yêu mến ta, thì giữ gìn các điều răn ta" (Giăng 14:15). Vậy, ngay khi chúng ta không tuân theo một trong những điều răn của Ngài, thì đó là dấu hiệu cho thấy chúng ta không yêu Chúa hết lòng.

Thứ hai, khi người ta thừa nhận rằng họ không yêu Chúa Jêsus hết lòng, thì tôi sẽ hỏi: "Bạn có yêu Ngài nhiều như bạn nên yêu

không?”. Người ta thường nhìn tôi với ánh mắt lạ lùng và nói rằng: “Không, tất nhiên là không”. Thật vậy; nếu câu trả lời cho câu hỏi đầu tiên là không, thì câu trả lời cho câu hỏi thứ hai cũng phải là không, vì đáng lẽ chúng ta phải yêu Ngài hết lòng, nhưng chúng ta lại không làm. Đó chính là sự căng thẳng mà chúng ta kinh nghiệm về sự cứu rỗi của mình.

Thứ ba, tôi hỏi rằng: “Vậy, bạn có yêu Chúa Jêsus *chút nào* không?”. Trước khi người ta trả lời, tôi thường nói thêm rằng tôi đang hỏi về tình yêu của người ấy dành cho Đấng Christ theo Kinh Thánh, là Đấng mà cả Kinh Thánh đề cập đến. Tại sao tôi lại nói như vậy?

Nhiều năm trước, tôi đã giảng dạy tại Học viện Sức Trẻ ở Colorado Springs, thuộc tiểu bang Colorado, vào thời điểm đó, tôi đã làm rất nhiều việc tại học viện này. Khi đào tạo nhân sự ở Colorado, tôi đã nói rằng: “Tôi cảnh báo các bạn về mối nguy hiểm chết người của chức vụ này. Cá nhân tôi không biết có tổ chức thanh niên nào trên thế giới hiệu quả hơn Sức Trẻ trong việc tiếp cận trẻ em, đồng hành với chúng qua nhiều nan đề, khó khăn, giúp đỡ chúng nhận biết tình trạng của bản thân và hướng dẫn chúng cách đáp ứng. Đó là điểm mạnh nhất của tổ chức này và cũng là điểm yếu nhất của các bạn. Bởi vì với tư cách là một mục vụ, Sức Trẻ làm cho giới trẻ bị thu hút đến với Cơ Đốc giáo, nên các em dễ dàng được cải đạo trong Sức Trẻ nhưng lại không hề được cải đạo trong Đấng Christ”.

Tương tự, người ta thích một bức tranh biếm họa về Chúa Jêsus,

chứ chẳng hề yêu mến Ngài. Vậy, khi tôi hỏi mọi người rằng: “Bạn có yêu Chúa Jêsus chút nào không?”, thì tôi không có ý hỏi về tình yêu của họ dành cho Đấng Christ giống như Chúa là siêu anh hùng của trẻ con hoặc một người thầy tử tế. Nhưng tôi muốn hỏi họ có yêu Đấng Christ đã được chép trong Kinh Thánh hay không.

Nếu ai trả lời là “có”, thì đó là lúc chúng ta cần bàn đến thần học. Hãy cùng suy xét câu hỏi này: “Một người chưa được tái sinh có thực sự yêu mến Đấng Christ không?”. Câu trả lời của tôi là không, vì tình yêu dành cho Đấng Christ là kết quả đến từ công tác của Đức Thánh Linh. Đó mới là sự tái sinh, là điều Đức Thánh Linh thực hiện trong việc ban sự sống mới. Đức Thánh Linh thay đổi khuynh hướng của tâm linh và chiều hướng của tấm lòng. Trước khi được sinh lại, chúng ta lạnh lùng, thù địch hoặc thờ ơ (đây là hình thức thù địch sâu sắc nhất) với những điều thuộc về Đức Chúa Trời, không có chút tình cảm chân thành nào dành cho Ngài, vì chúng ta sống trong xác thịt và xác thịt không thích liên hệ đến Đức Chúa Trời. Tình yêu dành cho Đức Chúa Trời được nhen nhóm bởi quyền phép tái sinh của Đức Thánh Linh, là Đấng rải sự yêu thương của Đức Chúa Trời khắp trong lòng chúng ta (Rô-ma 5:5).

Vậy, nếu một người trả lời là “có” khi tôi hỏi người đó có yêu Đấng Christ hay không, mặc dù người này có thể không yêu Chúa Jêsus nhiều như họ phải yêu (tức là yêu Ngài cách hết lòng), thì điều đó vẫn đảm bảo rằng Đức Thánh Linh đã thực hiện công tác biến đổi trong tâm linh của người ấy. Vì xác thịt của chúng ta không có sức mạnh để khơi dậy tình yêu chân thành dành cho Đức Chúa Jêsus Christ.

Quan điểm sai lầm về sự tái sinh

Có những quan điểm về sự tái sinh không mang lại cho chúng ta sự cứu rỗi chắc chắn. Một trong những quan điểm phổ biến nhất về sự tái sinh trong giới Tin Lành ngày nay cho rằng: khi tái sinh, Đức Thánh Linh chỉ đơn thuần ngự vào cuộc đời của chúng ta; Chúa ở trong lòng của chúng ta. Nhưng ngay cả khi đã được tái sinh (theo quan điểm này), chúng ta phải đáp ứng với Đức Thánh Linh, cộng tác với Ngài và để Ngài cai trị đời sống của chúng ta; vì chúng ta vẫn có khả năng được tái sinh, được Đức Thánh Linh ngự vào, mà không cần phải kết quả bông trái của sự vâng lời. Chúng ta có thể trở thành hạng người mà người ta hay gọi là “Cơ Đốc nhân xác thịt”.

Khi Tân Ước sử dụng từ *xác thịt*, có nghĩa là lúc đầu chúng ta hoàn toàn là xác thịt. Đang khi chúng ta còn trong xác thịt, Đức Thánh Linh đã biến đổi tấm lòng của chúng ta. Chúa không trừ bỏ hết xác thịt ngay lập tức, nên xác thịt vẫn không ngừng chiến tranh với chúng ta. Xác thịt tranh chiến với Thánh Linh trong suốt cuộc đời của Cơ Đốc nhân, mức độ ưa muốn xác thịt của chúng ta tăng giảm tùy lúc (Ga-la-ti 5:17). Không có gì phải bàn cãi về điều này. Tuy nhiên, một số người sử dụng thuật ngữ “Cơ Đốc nhân xác thịt” để mô tả một người không hề được Đức Thánh Linh thay đổi một chút nào. Nói như vậy thì thuật ngữ này không hề mô tả một Cơ Đốc nhân, mà đang mô tả một người chưa được tái sinh.

Do đó, tôi lập tức bác bỏ quan điểm về sự tái sinh này vì chẳng liên quan gì đến sự tái sinh; bởi vì cho dù Đức Thánh Linh đã ngự vào lòng của một người, nhưng lại không thực hiện công tác siêu

nhiên của ân điển để thay đổi khuynh hướng của tâm linh. Tâm linh của người đó vẫn y nguyên như trước khi Đức Thánh Linh đến. Chúng ta cần phải hiểu rằng sự tái sinh là công tác của Đức Thánh Linh để biến đổi một người, làm thay đổi khuynh hướng tâm linh của người đó. Nếu một người thực sự được tái sinh và bày tỏ đức tin, thì phải thể hiện được một mức độ vâng lời nào đó.

Lòng “sốt sắng” của Đức Thánh Linh

Chúng ta đã thấy sự tái sinh là công tác của Đức Thánh Linh, nhờ Ngài mà khuynh hướng của tâm linh được thay đổi. Tuy nhiên, Đức Thánh Linh không chỉ biến đổi chúng ta thông qua sự tái sinh, Chúa còn thực hiện những công tác quan trọng khác để chúng ta có sự cứu rỗi chắc chắn. Trong 2 Cô-rinh-tô 5:1-5 chép rằng:

“Và, chúng ta biết rằng nếu nhà tạm của chúng ta dưới đất đổ nát, thì chúng ta lại có nhà đời đời tại trên trời, bởi Đức Chúa Trời, không phải bởi tay người làm ra. Vì chúng ta thật than thở trong nhà tạm này, mà hết sức mong được mặc lấy nhà chúng ta từ trên trời, miễn là gặp thấy chúng ta đang mặc áo, không trần truồng. Bởi chưng chúng ta ở trong nhà tạm này, than thở dưới gánh nặng, vì chúng ta không cầu cho bị lột trần, song cầu cho được mặc lại, để sự gì hay chết trong chúng ta bị sự sống nuốt đi. Đấng đã gây dựng chúng ta cho được sự ấy, ấy là Đức Chúa Trời, đã ban của tin của Đức Thánh Linh cho chúng ta”.

Những bản dịch Kinh Thánh khác dịch từ *của tin* là *bảo chứng*.

Thuật ngữ này bắt nguồn từ lĩnh vực thương mại của người Hy Lạp cổ xưa. Ngày nay, chúng ta chỉ nghe từ *bảo chứng* được dùng như một danh từ trong lĩnh vực bất động sản. Nếu bạn quan tâm đến việc mua nhà và muốn ký hợp đồng đặt cọc ngôi nhà đó, thì người bán sẽ yêu cầu bạn đưa ra khoản tiền mà một số người gọi là “tiền bảo chứng (đặt cọc)”. Họ không muốn giao dịch với những người chỉ đang đùa giỡn với ý tưởng mua nhà; họ muốn những người có thể “bảo chứng” cho cuộc mua bán này – hoặc nói cách khác là những người thực sự nghiêm túc muốn mua. Ý tưởng ở trong 2 Cô-rinh-tô 5:5 là khi Đức Thánh Linh tái sinh chúng ta, Chúa không chỉ thay đổi khuynh hướng của tấm lòng và tâm linh, mà Chúa còn trở thành Đấng bảo chứng, hoặc của tin cho khoản thanh toán trọn vẹn và cuối cùng của chúng ta.

Khi mua trả góp, tôi phải trả trước một khoản tiền. Thời nay, chúng ta biết rằng có nhiều người ký hợp đồng, thanh toán một vài lần rồi hủy hợp đồng. Đôi khi nhà hoặc xe cộ của người ta bị tịch thu vì người đó không tuân thủ các điều khoản của hợp đồng. Khi đặt cọc, người đó hứa sẽ trả toàn bộ số tiền, nhưng không phải lúc nào người ta cũng làm được. Tuy nhiên, khi Đức Chúa Trời đặt cọc, thì khoản đó chính là lời của Ngài. Chúa đã hứa và Ngài chắc chắn sẽ trả đủ. Đây là thuật ngữ mà sứ đồ Phao-lô đã dùng khi đề cập đến việc chúng ta được sinh lại bởi Đức Thánh Linh, Chúa không chỉ biến đổi tấm lòng, tâm linh và ý chí của chúng ta, mà còn ban cho chúng ta sự cam kết – bảo chứng – rằng sẽ có sự cứu rỗi chắc chắn.

Người ta bỏ qua chân lý này khi nói rằng: “Hôm nay tôi có thể

được cứu, nhưng ngày mai có thể mất sự cứu rỗi". Nói như vậy là phớt lờ chân lý của Kinh Thánh nói về Đức Chúa Trời đã khởi sự thì Chúa sẽ hoàn thành. Khi Chúa đã đặt cọc, thì khoản còn lại chắc chắn sẽ được trả đủ. Đây là cơ sở vững bền cho sự cứu rỗi chắc chắn của chúng ta.

Ấn chứng của Đức Vua

Chúng ta hãy xem một thí dụ khác, lần này là 2 Cô-rinh-tô 1 chép rằng:

"Bởi sự trông cậy đó, trước đây tôi có định đi thăm anh em, hầu giúp cho anh em được ơn bội phần. Tôi định trải qua nơi anh em rồi đi xứ Ma-xê-đoan, lại từ Ma-xê-đoan trở về nơi anh em, tại nơi đó, anh em cho đưa tôi qua xứ Giu-đê. Tôi định ý như vậy, nào có phải bởi tôi nhẹ dạ sao? Hay là tôi theo xác thịt mà quyết định, đến nỗi ở nơi tôi khi thì phải khi thì chẳng sao? Thật như Đức Chúa Trời là thành tín, lời chúng tôi nói với anh em cũng chẳng phải khi thì phải khi thì chẳng vậy. Con Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Jêsus Christ, mà chúng tôi, tức là tôi với Sin-vanh và Ti-mô-thê, đã giảng ra trong anh em, chẳng phải là vừa phải vừa chẳng đâu; nhưng trong Ngài chỉ có phải mà thôi. Vì chưng cũng như các lời hứa của Đức Chúa Trời đều là phải trong Ngài cả, ấy cũng bởi Ngài mà chúng tôi nói "A-men," làm sáng danh Đức Chúa Trời" (c.15-20).

Sứ đồ Phao-lô đang nói điều gì? Đơn giản là Đức Chúa Trời không thay đổi Lời Ngài đã hứa. Chúa chẳng phải là vừa phải vừa chẳng

đâu. Sứ đồ cho chúng ta biết rằng mọi lời Đức Chúa Trời hứa đều được lập vững chắc ở trên bản chất thiêng liêng của Ngài, mà đặc trưng là sự thành tín.

Sứ đồ Phao-lô nói tiếp rằng: “Vả, Đấng làm cho bền vững chúng tôi với anh em trong Đấng Christ, và đã xúc dầu cho chúng tôi, ấy là Đức Chúa Trời; Ngài cũng lấy ấn mình mà đóng cho chúng tôi và ban của tin Đức Thánh Linh trong lòng chúng tôi” (2 Cô-rinh-tô 1:21-22). Câu Kinh Thánh này lại nhắc đến của tin Đức Thánh Linh. Nhưng chúng ta không chỉ có của tin hoặc bảo chứng là Đức Thánh Linh, sứ đồ Phao-lô còn nói – và ông cũng nhắc lại ý tưởng này trong thư tín Ê-phê-sô – rằng chúng ta được ấn chứng bởi Đức Thánh Linh. Từ “đóng ấn” trong tiếng Hy Lạp là *sphragis*.

Có lẽ bạn đã từng xem những bộ phim thời Trung Cổ có nhiều phong tục khác nhau của các vị vua. Khi một vị vua ban chỉ dụ đến những làng mạc, một con dấu bằng sáp sẽ được dán vào bản tuyên cáo. Con dấu là dấu hiệu của nhà vua, là chiếc nhẫn có khắc tên của ông. Bên trong chiếc nhẫn có khắc một hình dạng nhất định là chữ ký của nhà vua. Vậy, nếu một văn tự, một bản tuyên cáo hoặc một chỉ dụ có con dấu bằng sáp từ chiếc nhẫn của nhà vua, thì đó chính là bằng chứng không thể chối cãi về tính xác thực. Qua phân đoạn này, sứ đồ Phao-lô cho chúng ta biết rằng Vua của hoàn vũ đã đóng ấn không thể phai mờ của Ngài vào tâm linh mỗi người ở trong dân sự của Ngài. Đức Chúa Trời không chỉ ban cho chúng ta một bảo chứng chắc chắn, mà còn đóng ấn chúng ta cho ngày cứu chuộc nữa.

Lời chứng của Đức Thánh Linh trong lòng chúng ta

Cuối cùng, trong Rô-ma 8, chúng ta đọc thấy những lời khích lệ này:

“Vì hết thảy kẻ nào được Thánh Linh của Đức Chúa Trời dắt dẫn, đều là con của Đức Chúa Trời. Thật anh em đã chẳng nhận lấy thần trí của tôi mọi đặng còn ở trong sự sợ hãi; nhưng đã nhận lấy thần trí của sự làm con nuôi, và nhờ đó chúng ta kêu rằng: A-ba! Cha! Chính Đức Thánh Linh làm chứng cho lòng chúng ta rằng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời. Lại nếu chúng ta là con cái, thì cũng là kẻ kế tự: Kẻ kế tự Đức Chúa Trời và là kẻ đồng kế tự với Đấng Christ, miễn chúng ta đều chịu đau đớn với Ngài, hầu cho cũng được vinh hiển với Ngài” (Rô-ma 8:14-17).

Khi chúng ta học về cuộc đời cũng như tấm lòng của mình, bông trái của Đức Thánh Linh (Ga-la-ti 5:22-24) và thước đo cho sự biến đổi cuộc đời, chúng ta phải trung thực khi lượng giá những điều đang diễn ra ở bên trong cũng như bên ngoài của chúng ta. Xét cho cùng, cơ sở cho sự cứu rỗi chắc chắn đến từ lời chứng mà Đức Thánh Linh đặt trong lòng của chúng ta, vì Chúa làm chứng trong lòng chúng ta rằng chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời.

Làm sao chúng ta biết được lời chứng này đến từ Đức Thánh Linh, chứ không phải từ một tà linh nào đó? Đức Thánh Linh xác nhận trong lòng chúng ta rằng chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời như thế nào? Đức Thánh Linh làm chứng trong lòng của chúng ta thông qua Lời Chúa. Người nào càng xa cách Lời Chúa, thì người đó càng ít kinh nghiệm về sự cứu rỗi chắc chắn trong đời này.

TÔI CÓ ĐƯỢC CỨU KHÔNG?

Người nào càng gần với Lời Chúa, thì Đức Thánh Linh, là Đấng đã thần cảm để Lời Chúa được viết ra và soi sáng Lời Chúa cho chúng ta, sẽ càng dùng lời ấy để xác nhận trong lòng chúng ta rằng chúng ta thực sự thuộc về Ngài, chúng ta thật là con cái Đức Chúa Trời.

VỀ TÁC GIẢ

Tiến sĩ R.C. Sproul (1939-2017) là người sáng lập Mục vụ Ligonier, mục sư đầu tiên giữ vai trò giảng dạy tại Hội thánh Saint Andrew ở Sanford, Fla., Chủ tịch đầu tiên của Trường Kinh Thánh Cải chánh [Reformation Bible College], ông cũng là Giám đốc biên tập tờ báo Tabletalk. Chương trình phát thanh *Đổi mới Tâm trí* [Renewing Your Mind] của ông vẫn đang được phát sóng trên hàng trăm đài phát thanh khắp thế giới và cũng được lắng nghe trực tuyến nữa. Ông là tác giả của hơn một trăm tựa sách, trong đó có *Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời*, *Chúa tuyển chọn* và *Ai cũng là nhà thần học*. Ông được công nhận là người có tài biên hộ cho sự không sai lạc của Kinh Thánh trên khắp thế giới và nhu cầu cần phải đứng vững ở trên Lời Chúa của dân sự Đức Chúa Trời.



Mục vụ Ligonier là một tổ chức Cơ Đốc quốc tế về môn đồ hóa, được Tiến sĩ R.C. Sproul thành lập vào năm 1971 để công bố, giảng dạy và biện minh cho sự thánh khiết của Đức Chúa Trời trong mọi lĩnh vực. Biểu tượng của Thư viện Ligonier đã trở thành dấu ấn đáng tin cậy trên khắp thế giới và trong nhiều ngôn ngữ.

Vì cơ Đại Mạng Lệnh, Mục vụ Ligonier muốn chia sẻ tài liệu môn đồ hóa đến toàn cầu qua các định dạng như sách giấy và sách điện tử. Những đầu sách, bài viết và loạt bài học đáng tin cậy vẫn đang được chuyển ngữ, lồng tiếng sang hơn 50 ngôn ngữ khác nhau. Chúng tôi ao ước hỗ trợ Hội thánh của Đức Chúa Jêsus Christ bằng cách giúp Cơ Đốc nhân biết rõ hơn về niềm tin của mình, vì sao chúng ta tin, sống với niềm tin và chia sẻ niềm tin đó như thế nào.

Hãy tìm đọc *vi.ligonier.org*

MỤC VỤ TIÊN PHONG

Mục vụ Tiên Phong ra đời với khát vọng “chuyển ngữ và xuất bản tài liệu Cơ Đốc để rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa Trời vì sự vui mừng của người Việt, đặc biệt là qua sự chịu khổ, trong Đức Chúa Jêsus Christ”.

Tài liệu Cơ Đốc này không thể thay thế Lời Chúa và những tài liệu của Hội thánh mà quý con cái Chúa đang nhóm lại hàng tuần. Chúng tôi chỉ mong con cái Chúa sử dụng các tài liệu này để bày tỏ Phúc Âm của Đức Chúa Jêsus Christ cho gia đình, người thân, bạn bè và cộng đồng xung quanh.

Nếu bạn muốn biết làm thế nào để dâng hiến, hỗ trợ và nhận tin tức về các tựa sách khác mà Mục vụ Tiên Phong đang chuyển ngữ, xin hãy liên hệ chúng tôi bằng thư điện tử info@tienphong.org hoặc bạn có thể tìm đến trang điện tử www.tienphong.org để tải về và đọc các tài liệu miễn phí.

Chúng tôi chân thành biết ơn các anh chị em con cái Chúa đã tin tưởng hỗ trợ dự án tài liệu Cơ Đốc cho người Việt của Mục vụ Tiên Phong.

TÔI CÓ ĐƯỢC CỨU KHÔNG?

Tác giả: **R.C. Sproul**

Chuyển ngữ: **Mục vụ Tiên Phong**

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập: **Bùi Thị Lâm Ngọc**

Biên tập: **Lê Thị Cẩm Vân**

Trình bày và Bìa: **Mục vụ Tiên Phong**

Sửa bản in: **Mục vụ Tiên Phong**

Thực hiện liên doanh: **Công ty TNHH Mục vụ Tiên Phong**

107 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh

In: 1.000 bản. Kích: 13 x 20 cm

Tại: Công ty TNHH DV-TM-SX In Thiên Ngôn

134/8 Hoàng Hoa Thám, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

Số xác nhận ĐKXB: 1460-2026/CXBIPH/3-1416/DoN

Cục Xuất Bản, In và Phát hành xác nhận ngày 17/04/2026

Mã ISBN: **978-604-42-6629-9**

QĐXB: 782/QĐ-NXBĐN, do NXB Đồng Nai cấp ngày 23/04/2026

In xong và nộp lưu chiểu Quý 2 năm 2026.

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

1953J (số cũ 210) Nguyễn Ái Quốc, Trăn Biên, Đồng Nai

Ban Biên tập: (02513) 825 292 - P. Kinh doanh: 946 521 - P. Kế toán: 946 520

Fax: (02513) 946 530 - Email: nxbdongnai@hcm.vnn.vn

Tôi có sự cứu rỗi chắc chắn không?

Nhiều người trong Hội thánh ngày nay đang bị bủa vây bởi những nghi ngờ về sự cứu rỗi của mình. Tuy nhiên, Cơ Đốc nhân không chỉ biết chắc rằng mình đã được cứu, mà họ còn phải xác định rõ sự kêu gọi và chọn lựa của mình (2 Phi-e-rơ 1:10).

Trong quyển sách nhỏ này, Tiến sĩ R.C. Sproul mong muốn giúp các tín hữu đạt được mục tiêu đó. Qua các chương ngắn gọn, dễ hiểu, Tiến sĩ Sproul định nghĩa về sự cứu rỗi chắc chắn, chỉ ra cách chúng ta có thể đạt được điều đó, hé lộ những phước hạnh và cảnh báo về những nguy hiểm mà sự ảo tưởng niềm tin mang lại.

Tủ sách *Câu hỏi quan trọng* của Tiến sĩ R.C. Sproul đưa ra những câu trả lời súc tích cho các thắc mắc quan trọng thường thấy ở Cơ Đốc nhân và những người đang tìm đạo.

Tiến sĩ R.C. Sproul là người sáng lập Mục vụ Ligonier; ông là mục sư đầu tiên giảng dạy tại Hội thánh Saint Andrew ở Sanford, Florida; ông cũng là Hiệu trưởng đầu tiên của Trường Đại học Reformation Bible. Ông là tác giả của hơn một trăm tựa sách, trong đó có quyển *Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời*.



Giá bán: 45.000 VNĐ